

Lời nói đầu

Mỗi doanh nghiệp là một mắt xích quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, sự phát triển của mỗi doanh nghiệp góp phần đảm bảo cho nền kinh tế phát triển phồn thịnh và thịnh vượng. Nền kinh tế của nước ta trong những năm qua đã đạt được những bước tiến vững mạnh và các doanh nghiệp ngày càng thích ứng với những qui luật của nền kinh tế thị trường, làm ăn mang lại lợi nhuận cao. Có được những thành tựu đó là nhờ sự nỗ lực không ngừng của mỗi doanh nghiệp ở tất cả các khâu từ sản xuất, lưu thông, phân phối và tiêu thụ. Ngày nay, khi nói đến hoạt động sản xuất kinh doanh thì vấn đề hiệu quả kinh tế luôn được các doanh nghiệp quan tâm và chú trọng. Đây là sự so sánh giữa toàn bộ chi phí bỏ ra và kết quả thu lại được. Muốn làm được điều này đòi hỏi mỗi chúng ta phải có trí thức trong hoạt động sản xuất và quản lý.

Tiêu thụ hàng hóa là khâu cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh, nó có vị trí đặc biệt quan trọng đối với các doanh nghiệp. Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, khâu tiêu thụ hàng hóa của quá trình sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp gắn liền với thị trường, luôn luôn vận động và phát triển theo sự biến động phức tạp của các doanh nghiệp. Chính vì vậy, công tác tiêu thụ hàng hóa luôn luôn được nghiên cứu, tìm tòi, bổ xung để hoàn thiện hơn cả về lý luận lẫn thực tiễn, nhằm mục đích không ngừng nâng cao hiệu quả của kinh doanh, hiệu năng quản lý và công ty cổ phần DTC Việt Nam cũng không nằm ngoài qui luật đó.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác hạch toán tiêu thụ hàng hóa, trong thời gian thực tập tại Công ty cổ phần DTC Việt Nam, em đã đi sâu tìm hiểu và nghiên cứu lý luận của công tác hạch toán tiêu thụ hàng hóa tại công ty. Hoạt động tiêu thụ hàng

hóa của công ty rất đa dạng và phong phú, cùng với số vốn kiến thức học được trên ghế nhà trường em đã chọn đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Công ty cổ phần DTC Việt Nam”**.

Vì thời gian thực tập có hạn và bản thân còn bị hạn chế nên chuyên đề không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ đạo chân tình của cô giáo để chuyên đề của em được hoàn thiện hơn. Em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của cô giáo, Th.S Nguyễn Thị Thúy Hồng và phòng kế toán công ty.

KHÓA LUẬN GỒM 3 CHƯƠNG

Chương 1: Một số vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP DTC Việt Nam.

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP DTC Việt Nam.

Hải Phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2011

Sinh viên

Nguyễn Bảo Ngọc

CHƯƠNG 1**MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ
TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP****1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp****1.1.1. Các khái niệm cơ bản và nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng**** Doanh thu*

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Các loại doanh thu:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Việc xác định và ghi nhận doanh thu phải tuân thủ các qui định trong chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” và các chuẩn mực khác có liên quan.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Thời điểm ghi nhận doanh thu theo các phương thức bán hàng:

- Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp: Theo phương thức này, người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hay tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được coi là tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

- Tiêu thụ theo phương thức gửi qua đại lý, chuyển hàng...: Theo phương thức này, doanh nghiệp chuyển hàng đi gửi cho các quầy hàng, cửa hàng... nhờ bán hộ. Số hàng

chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Chỉ khi nào được người mua chấp nhận thanh toán thì hàng đó mới chính thức được coi là tiêu thụ và doanh nghiệp có quyền ghi nhận doanh thu.

- Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp: Theo phương thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi trả chậm, trả góp.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

+ Doanh thu tiêu thụ nội bộ

Doanh thu tiêu thụ nội bộ là những khoản thu do bán hàng và cung cấp dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp, đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới...

+ Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu từ hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại như: tiền lãi, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái; thu nhập từ các hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; thu nhập từ các hoạt động đầu tư khác vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác...

+ Thu nhập khác

Thu nhập khác là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên. Nội dung của thu nhập khác bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định;
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;

- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản thu khác.

** Các khoản giảm trừ doanh thu*

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm các khoản sau:

+ Chiết khấu thương mại

Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

+ Giảm giá hàng bán

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hay một phần hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc bị lạc hậu thị hiếu.

+ Hàng bán bị trả lại

Hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và bị từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế; hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận trị giá hàng bán bị trả lại cần đồng thời ghi giảm tương ứng trị giá vốn hàng bán trong kỳ.

+ Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp

Đây là các khoản thuế được xác định trực tiếp trên doanh thu bán hàng theo quy định hiện hành của luật thuế tùy thuộc vào từng mặt hàng khác nhau.

** Chi phí*

Chi phí là các khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cho các hoạt động khác... mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Chi phí bao gồm các khoản sau:

+ Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

+ Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là toàn bộ các chi phí có liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp, bao gồm: chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển; chi phí hoa hồng đại lý, chi phí bảo hành sản phẩm; chi phí nhân viên bán hàng; chi phí dụng cụ, đồ dùng, khấu hao tài sản cố định phục vụ bán hàng; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác...

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí có liên quan tới toàn bộ hoạt động quản lý điều hành chung của doanh nghiệp, bao gồm: các chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao tài sản cố định phục vụ quản lý văn phòng; các khoản thuế, phí, lệ phí; dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác...

+ Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp như chi phí tiền lãi vay và những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh ra lợi nhuận, tiền bản quyền... Những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền. Nội dung chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

- Các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ;
- Các chi phí khác.

+ Chi phí khác

Chi phí khác là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước.

Nội dung của chi phí khác bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán (nếu có);
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;
- Các khoản chi phí khác.

+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất Thuế TNDN}$$

* Kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là số chênh lệch giữa các khoản doanh thu với các khoản chi phí trong một thời kỳ nhất định. Kết quả kinh doanh bao gồm:

+ Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Các khoản giảm trừ doanh thu
---	---	--	---	------------------------------

+ Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán.

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Giá vốn hàng bán
---	---	---	---	------------------

+ Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: là số chênh lệch giữa lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ; doanh thu hoạt động tài chính; chi phí tài chính; chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	=	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	+	Doanh thu tài chính	-	Chi phí tài chính	-	Chi phí bán hàng	-	Chi phí quản lý doanh nghiệp
---	---	---	---	---------------------	---	-------------------	---	------------------	---	------------------------------

+ Lợi nhuận khác: là số chênh lệch giữa thu nhập khác với chi phí khác.

Lợi nhuận khác	=	Thu nhập khác	-	Chi phí khác
----------------	---	---------------	---	--------------

+ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: là tổng số giữa lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh với lợi nhuận khác.

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	=	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	+	Lợi nhuận khác
--------------------------------------	---	--	---	----------------

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (lợi nhuận ròng hay lãi ròng): là phần lợi nhuận sau khi lấy lợi nhuận kế toán trước thuế trừ đi chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	=	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
---	---	--------------------------------------	---	---------------------------------------

1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Việc ghi chép phản ánh đúng các khoản chi phí, doanh thu rất quan trọng. Bởi nếu không phản ánh đúng, đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh sẽ rất khó khăn cho nhà quản trị trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh. Hơn nữa, việc phản ánh các khoản chi phí còn ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp, nó có thể làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Vì vậy, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác và thực hiện việc phân loại doanh thu, chi phí theo đúng nguyên tắc chuẩn mực kế toán đã qui định.
- Tổ chức chứng từ, tài khoản kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phù hợp với các điều kiện của doanh nghiệp theo đúng qui định.
- Tổng hợp số liệu kế toán đầy đủ từ các sổ sách liên quan đến doanh thu, thu nhập, giá vốn hàng bán và các khoản chi phí, thực hiện kiểm tra đối chiếu để đảm bảo những số liệu đó là chính xác.
- Cuối kỳ kết chuyển các khoản doanh thu và chi phí hợp lý vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh và các khoản thuế phải nộp Nhà nước. Đảm bảo cung cấp thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh cho nhà quản trị đầy đủ, kịp thời và chính xác. Cung cấp thông tin cho các cơ quan quản lý Nhà nước để có căn cứ đánh giá sức mua, đánh giá đời sống của nhân dân và đề xuất các chính sách ở tầm vĩ mô.

1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.1.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 02GT-TT-3LL).
- Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01GTKT-3LL).
- Phiếu thu (Mẫu số 01-TT).
- Giấy báo có của Ngân hàng.
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.1.2 Tài khoản sử dụng

*** Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ. Tài khoản 511 có 6 tài khoản cấp hai như sau:

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- TK 5112: Doanh thu bán các sản phẩm
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- TK 5118: Doanh thu hoạt động khác

*** Tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ”**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ các doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là số tiền thu được do bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá nội bộ.

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ. Tài khoản 512 có 3 tài khoản cấp hai:

- TK 5121: Doanh thu bán hàng hóa
- TK 5122: Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

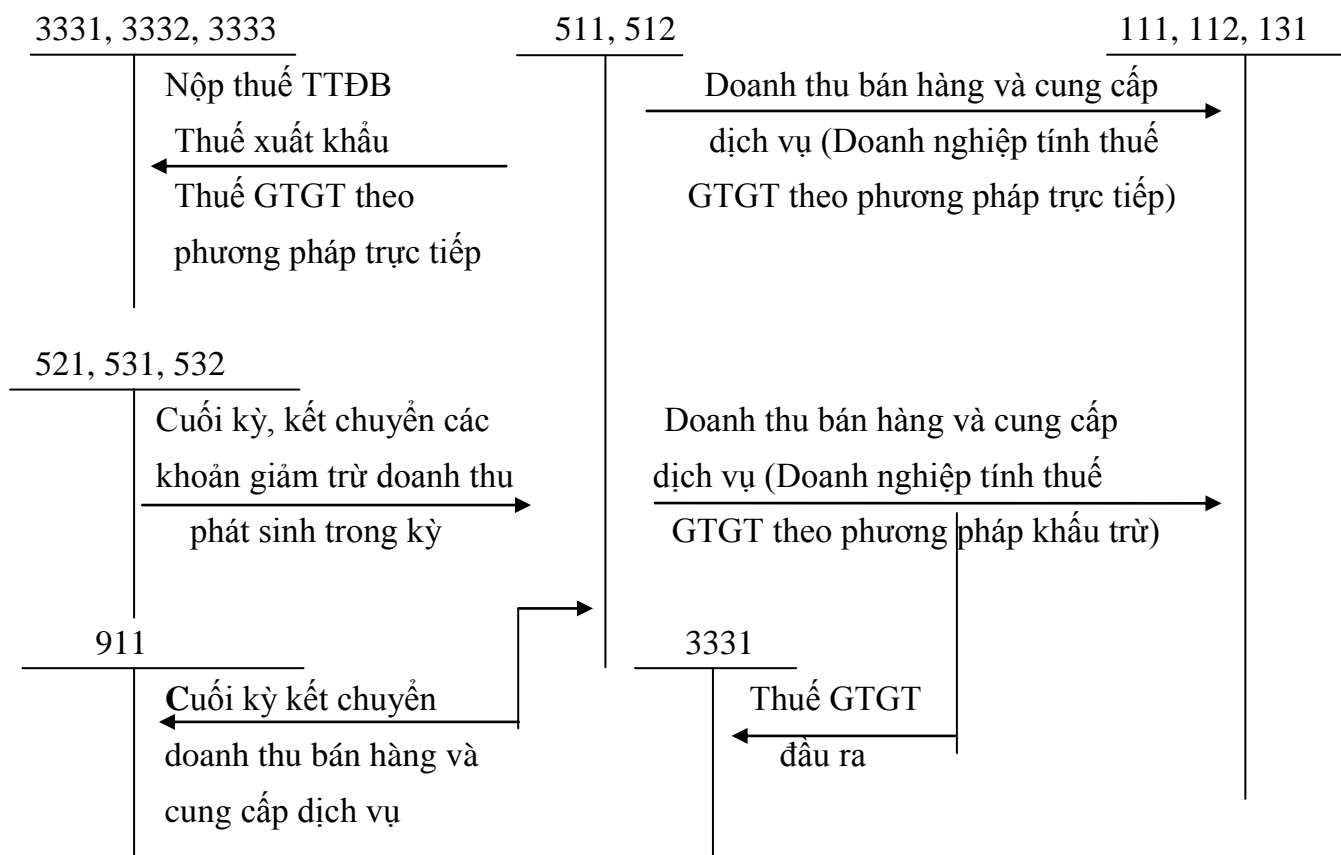
* Kết cấu TK 511, 512

Nợ	511,	512	Có
<p style="text-align: center;"><i>Số phát sinh giảm</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng, hoặc thuế tiêu thụ đặc biệt của số sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ nội bộ. - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng, hoặc đã tiêu thụ nội bộ. - Doanh thu hàng bán bị trả lại, khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ. - Kết chuyển doanh thu thuần và doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 		<p style="text-align: center;"><i>Số phát sinh tăng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán. - Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán. 	
<i>Tổng số phát sinh giảm</i>		<i>Tổng số phát sinh tăng</i>	

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán

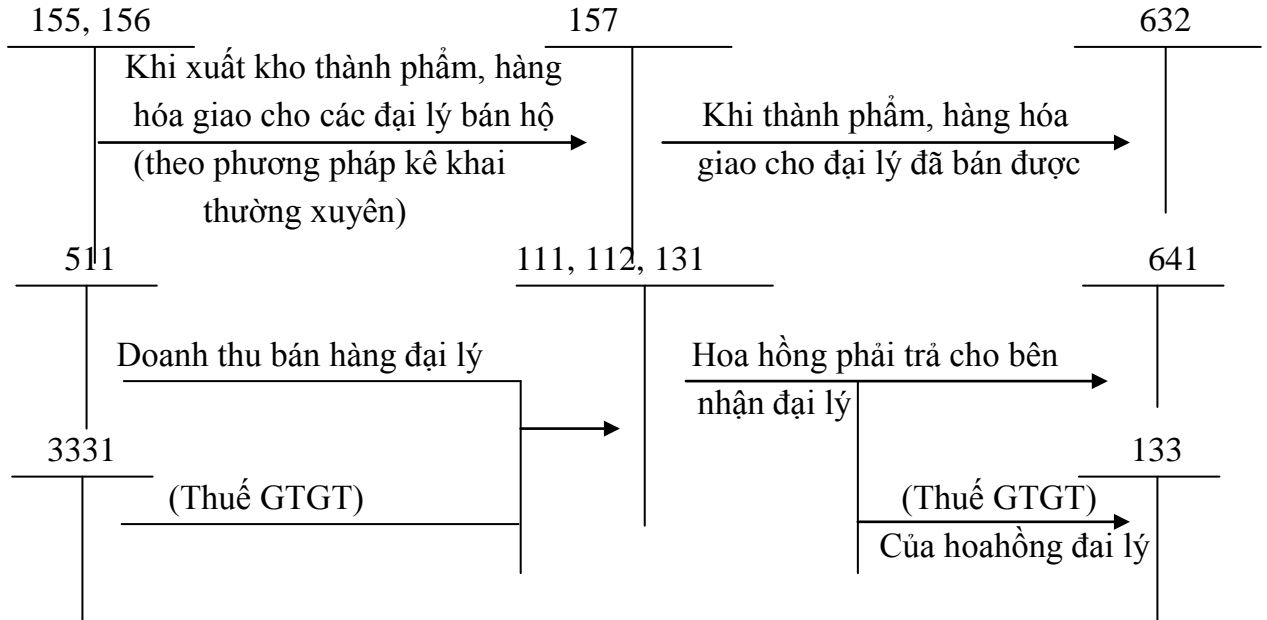
Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ; doanh thu nội bộ được khái quát qua các sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức bán trực tiếp

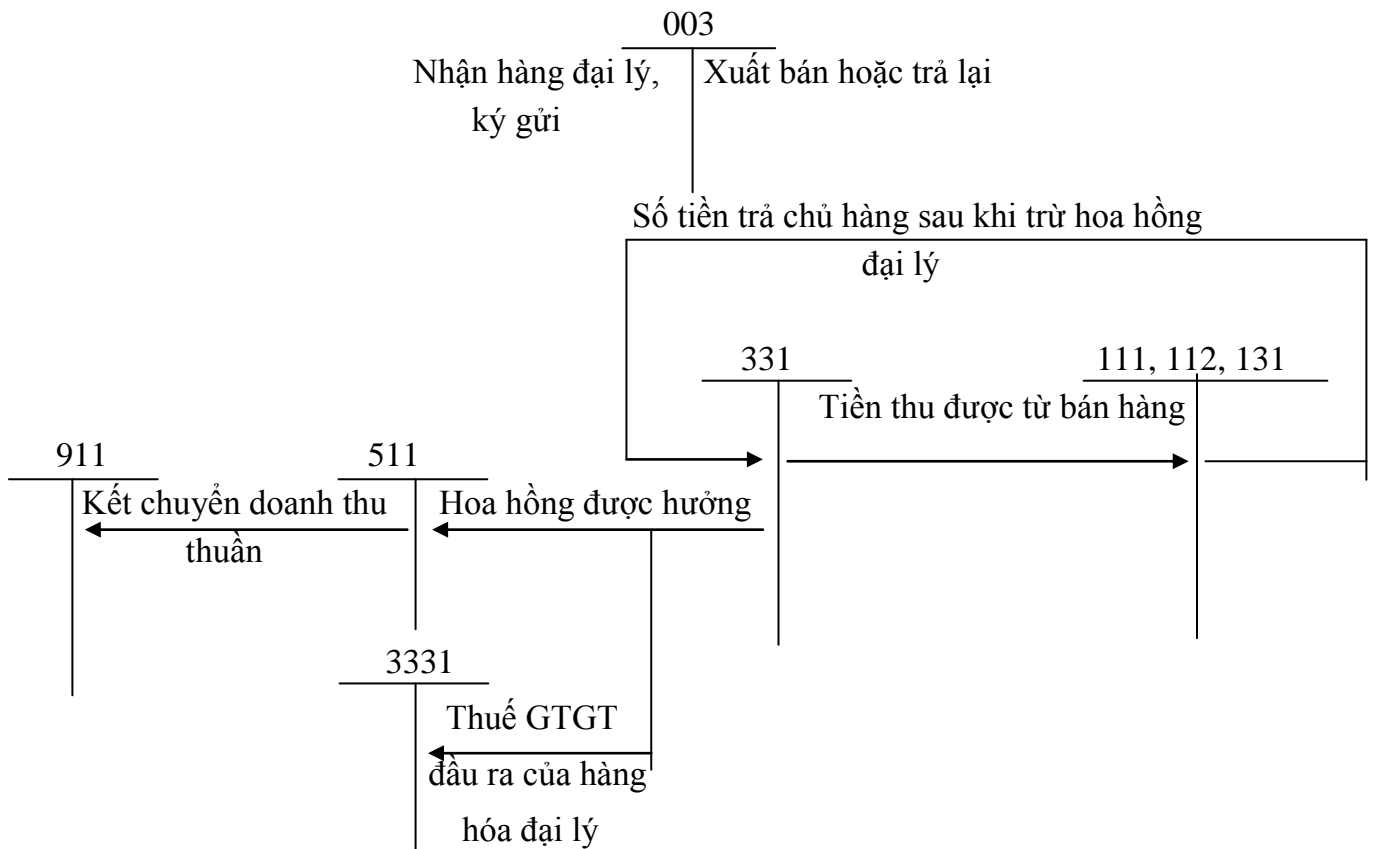


Sơ đồ 1.2: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức bán qua đại lý

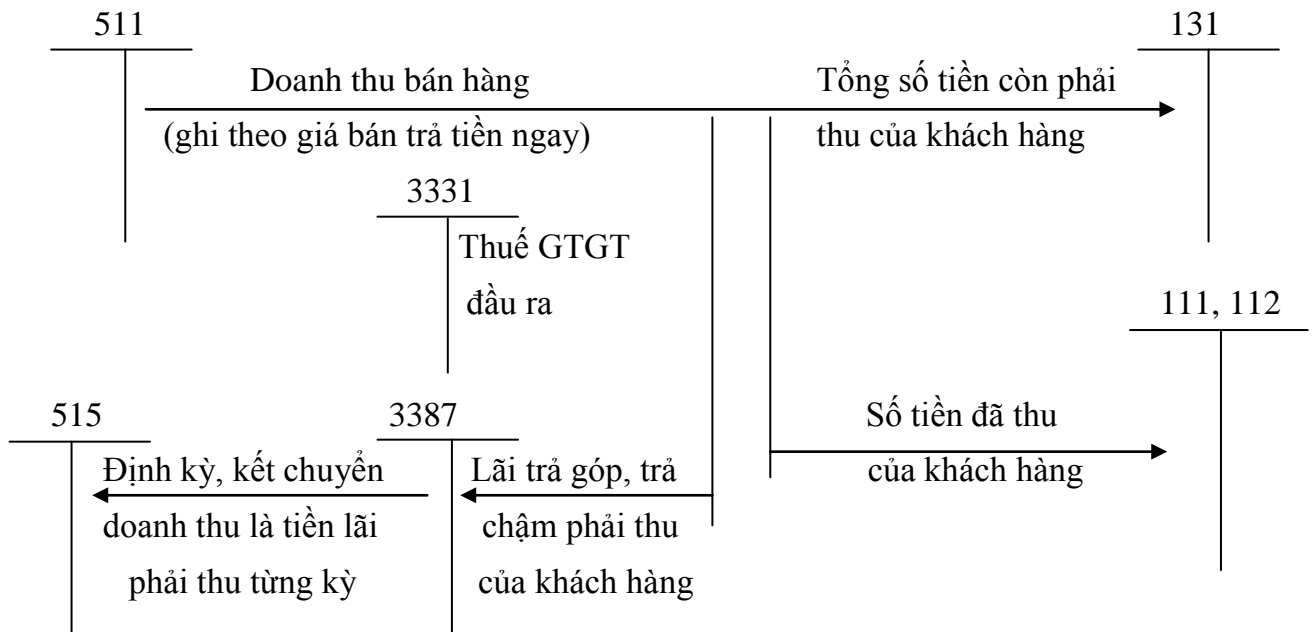
* Bên giao đại lý



* Bên nhận đại lý



Sơ đồ 1.3: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức trả chậm, trả góp



1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, Giấy báo nợ
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

*** Tài khoản 3331 “Thuế GTGT phải nộp” (theo phương pháp trực tiếp)**

Tài khoản này dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu ra, số thuế GTGT của hàng nhập khẩu phải nộp, số thuế GTGT đã nộp và còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

*** Tài khoản 3332 “Thuế tiêu thụ đặc biệt”**

Tài khoản này dùng để phản ánh số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp, đã nộp và còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

*** Tài khoản 3333 “Thuế xuất, nhập khẩu”**

Tài khoản này dùng để phản ánh số thuế xuất khẩu áp dụng cho mặt hàng xuất khẩu qua biên giới hoặc xuất khẩu vào khu chế xuất phải nộp, đã nộp và còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Các tài khoản 3331, 3332, 3333 có số dư bên Có. Trong trường hợp cá biệt, tài khoản 333 có thể có số dư bên Nợ.

*** Tài khoản 521 “Chiết khấu thương mại”**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng hóa).

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

*** Tài khoản 531 “Hàng bán bị trả lại”**

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại (tính theo đúng đơn giá ghi trên hóa đơn).

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ.

*** Tài khoản 532 “Giảm giá hàng bán”**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.

Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ.

* Kết cấu TK 521, 531, 532

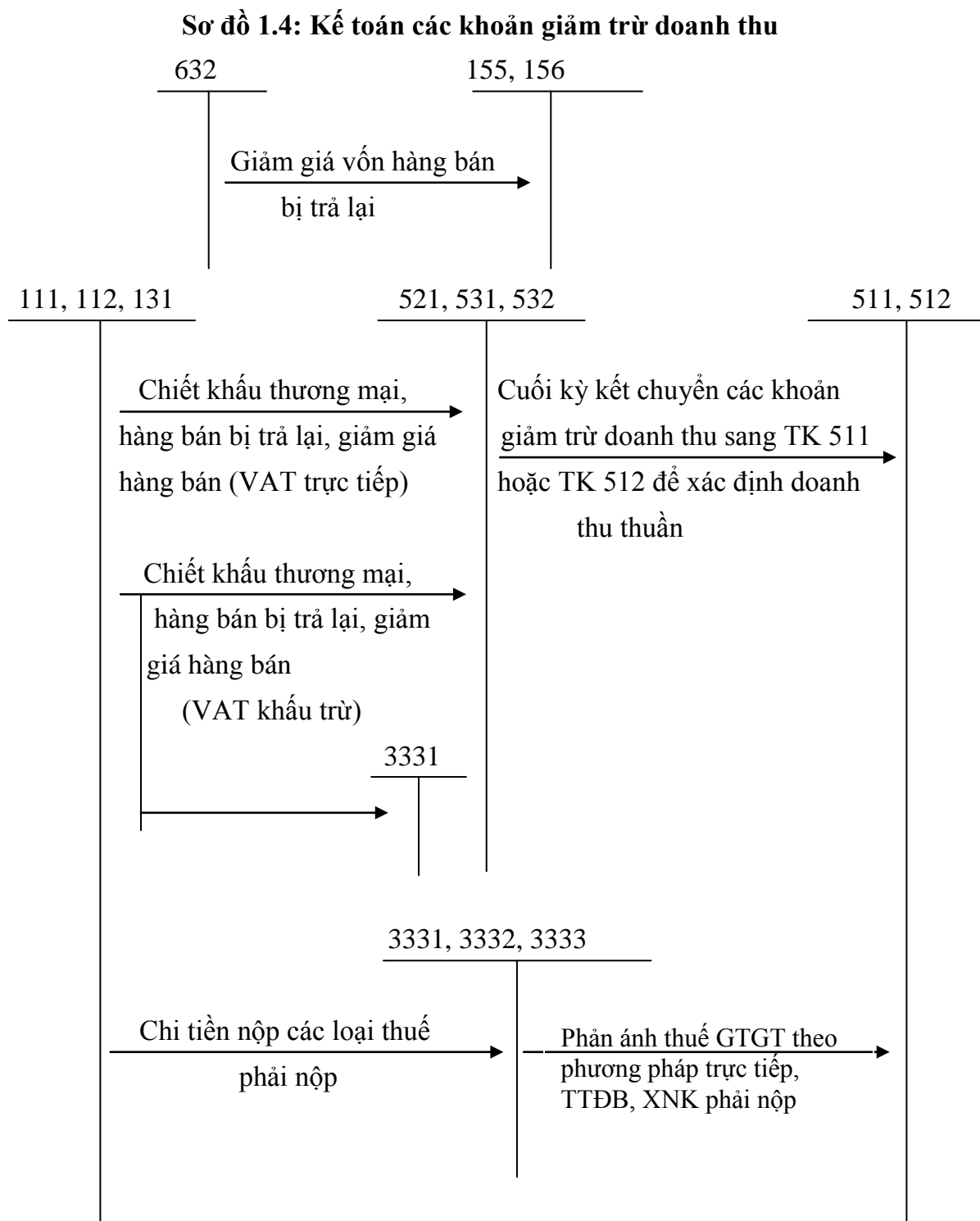
Nợ	521,531, 532	Có
<i>Số phát sinh tăng</i>		<i>Số phát sinh giảm</i>
<ul style="list-style-type: none"> - Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng. - Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán. - Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém chất lượng, mất phẩm chất hoặc sai qui cách theo qui định trong hợp đồng kinh tế. 		<ul style="list-style-type: none"> - Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo. - Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên nợ tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”, hoặc tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo. - Cuối kỳ, kết chuyển số tiền giảm giá hàng bán sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ”.
<i>Tổng số phát sinh tăng</i>		<i>Tổng số phát sinh giảm</i>

*Kết cấu TK 3331, 3332, 3333

Nợ	3331, 3332, 3333	Có
<i>Số phát sinh giảm</i>		<i>Số phát sinh tăng</i>
<ul style="list-style-type: none"> -Số thuế, phí, lệ phí tính theo phương pháp trực tiếp và các khoản phải nộp, đã nộp vào Ngân sách Nhà nước. -Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp. -Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá. 		<ul style="list-style-type: none"> -Số thuế GTGT đầu ra theo phương pháp trực tiếp và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp. -Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.
<i>Tổng số phát sinh giảm</i>		<i>Tổng số phát sinh tăng</i>

1.2.2.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát qua sơ đồ 1.4 sau:



1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán

* Các phương pháp tính giá vốn hàng bán:

Theo chuẩn mực số 02 “Hàng tồn kho”, việc tính giá trị hàng tồn kho được áp dụng theo một trong các phương pháp sau:

- Phương pháp tính theo giá đích danh: được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

- Phương pháp bình quân gia quyền: giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

- Phương pháp nhập trước, xuất trước: áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

- Phương pháp nhập sau, xuất trước: áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, Hợp đồng kinh tế
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư...

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

Ngoài ra, kế toán hàng tồn kho còn sử dụng các tài khoản khác liên quan như: TK 155, TK 156 và TK 611, TK 631 (đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

* *Kết cấu TK 632*

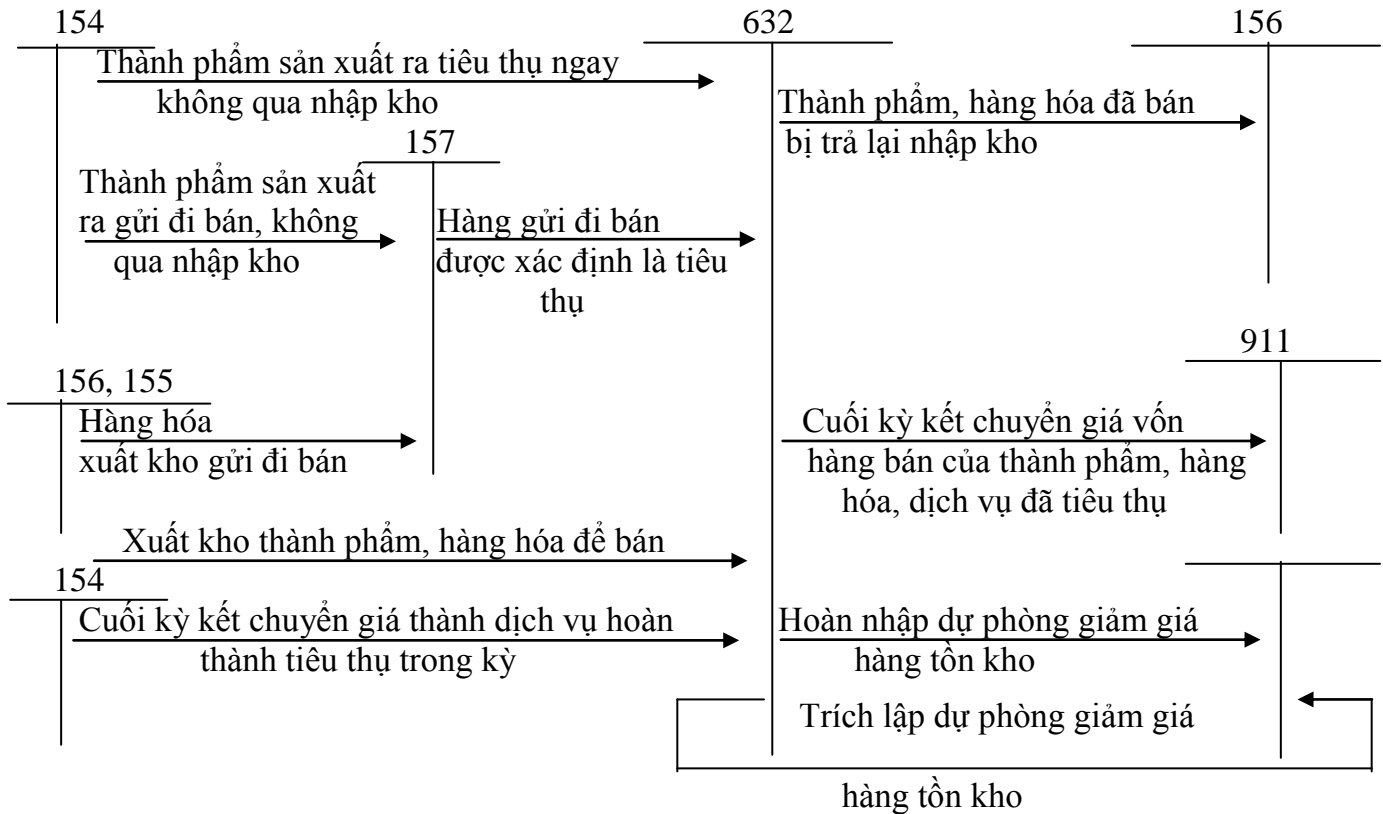
Nợ	632	Có
<i>Số phát sinh tăng</i>		<i>Số phát sinh giảm</i>
<ul style="list-style-type: none"> - Giá vốn hàng đã bán. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết). 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của hàng đã gửi bán nhưng chưa được xác định là đã tiêu thụ. Giá vốn hàng bán bị trả lại. - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước). - Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
<i>Tổng số phát sinh tăng</i>		<i>Tổng số phát sinh giảm</i>

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán

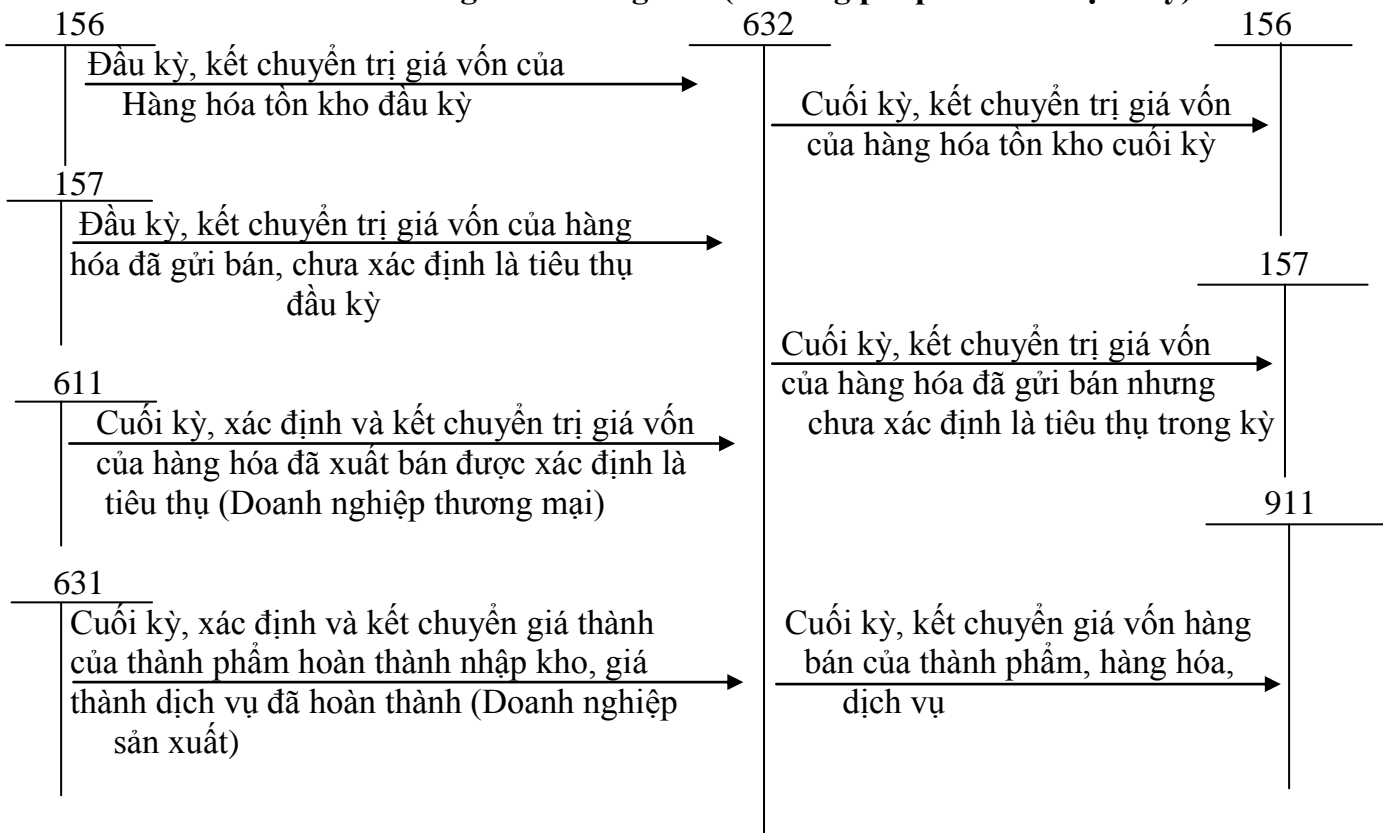
Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên được khái quát qua sơ đồ 1.5.

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ được khái quát qua sơ đồ 1.6.

Sơ đồ 1.5: Kế toán giá vốn hàng bán (Phương pháp kê khai thường xuyên)



Sơ đồ 1.6: Kế toán giá vốn hàng bán (Phương pháp kiểm kê định kỳ)



1.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, Giấy báo nợ
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền lương và Bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

***Tài khoản 641 “Chi phí bán hàng”**

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ. Tài khoản 641 có 7 tài khoản cấp hai như sau:

- TK 6411: Chi phí nhân viên
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định
- TK 6415: Chi phí bảo hành
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418: Các chi phí khác bằng tiền

***Tài khoản 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong một kỳ kế toán.

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ. Tài khoản 642 có 8 tài khoản cấp hai như sau:

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- TK 6426: Chi phí dự phòng
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428: Chi phí khác bằng tiền

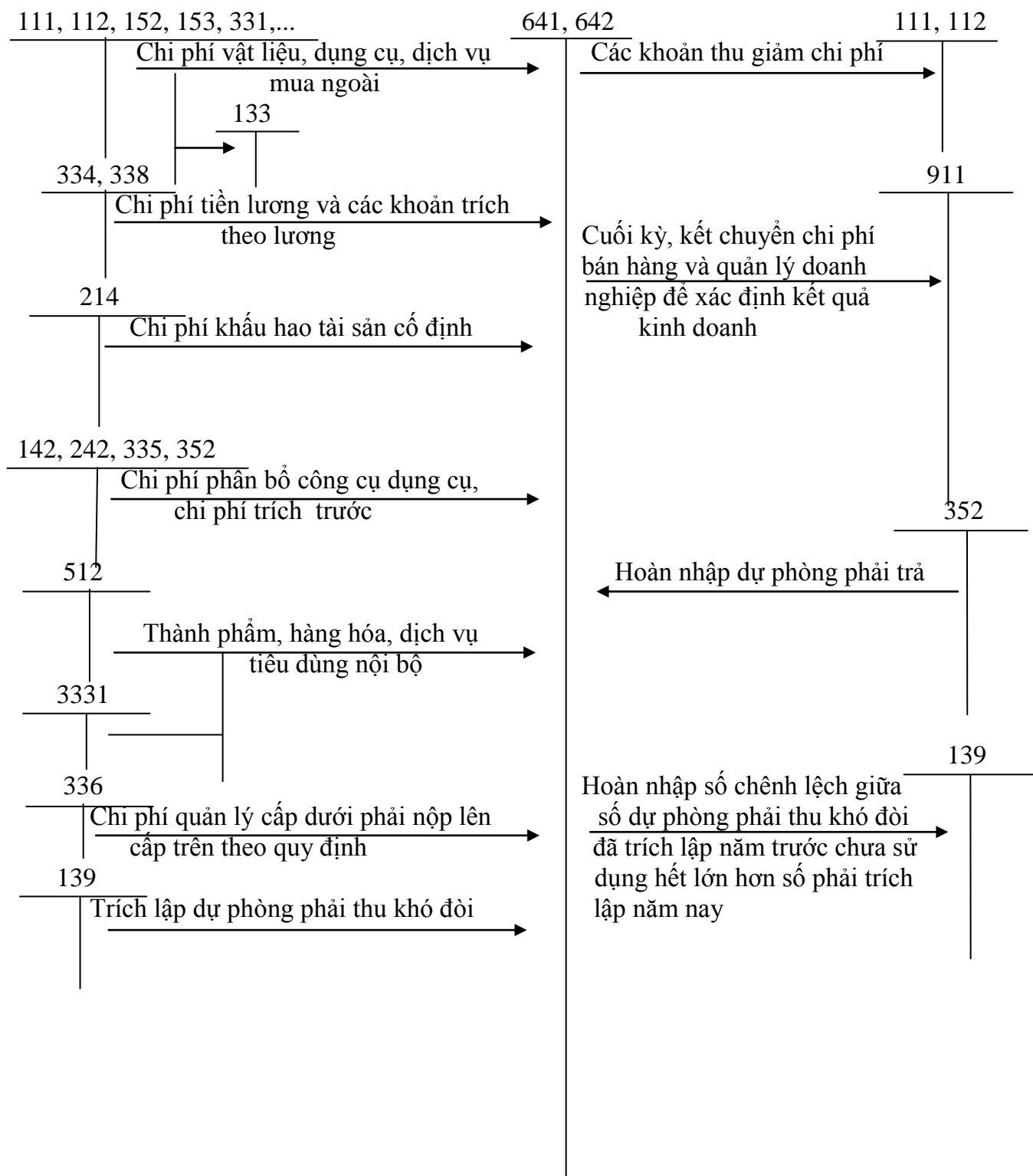
* Kết cấu TK 641, 642

Nợ	641,	642	Có
<p style="text-align: center;"><i>Số phát sinh tăng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ. - Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ. - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả. - Dự phòng trợ cấp mất việc làm. 			<p style="text-align: center;"><i>Số phát sinh giảm</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. <p style="text-align: center;"><i>Tổng số phát sinh giảm</i></p>
<i>Tổng số phát sinh tăng</i>			

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp được khái quát qua sơ đồ 1.7 như sau:

Sơ đồ 1.7: Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.5. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, Phiếu chi
- Giấy báo nợ, Giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

***Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

*** Kết cấu TK 515**

Nợ	515	Có
<p style="text-align: center;"><i>Số phát sinh giảm</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có). - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 		<p style="text-align: center;"><i>Số phát sinh tăng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia; - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; - Chiết khấu thanh toán được hưởng; - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh; - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ; - Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh; - Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính; - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.
<i>Tổng số phát sinh giảm</i>		<i>Tổng số phát sinh tăng</i>

***Tài khoản 635 “Chi phí tài chính”**

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

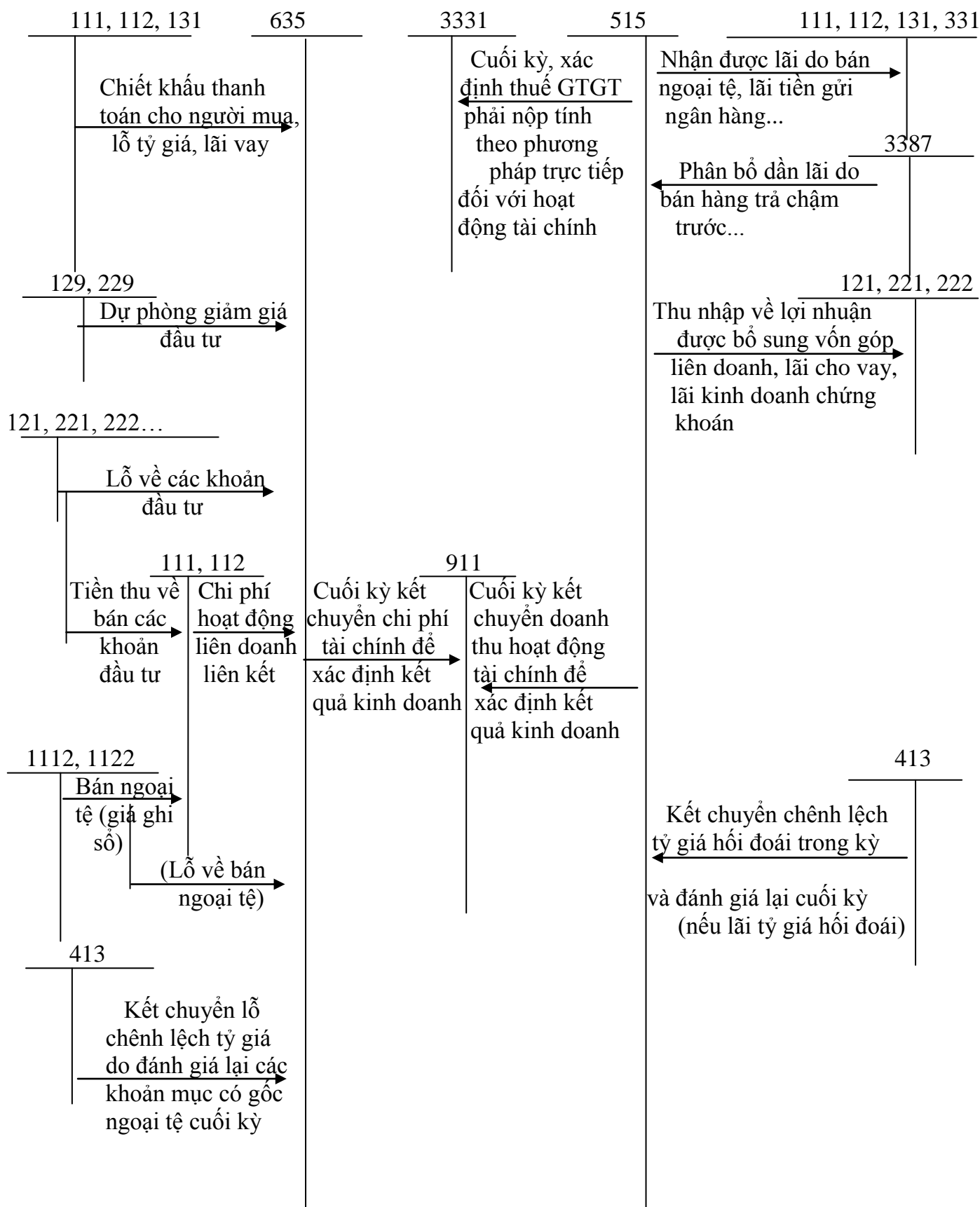
** Kết cấu TK 635*

Nợ	635	Có
<i>Số phát sinh tăng</i>		<i>Số phát sinh giảm</i>
<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản chi phí hoạt động tài chính. - Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn. - Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế. 		<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. - Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
<i>Tổng số phát sinh tăng</i>		<i>Tổng số phát sinh giảm</i>

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được khái quát qua sơ đồ 1.8 như sau:

Sơ đồ 1.8: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính



1.2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.6.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, Phiếu chi
- Biên bản bàn giao, thanh lý tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng

***Tài khoản 711 “Thu nhập khác”**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

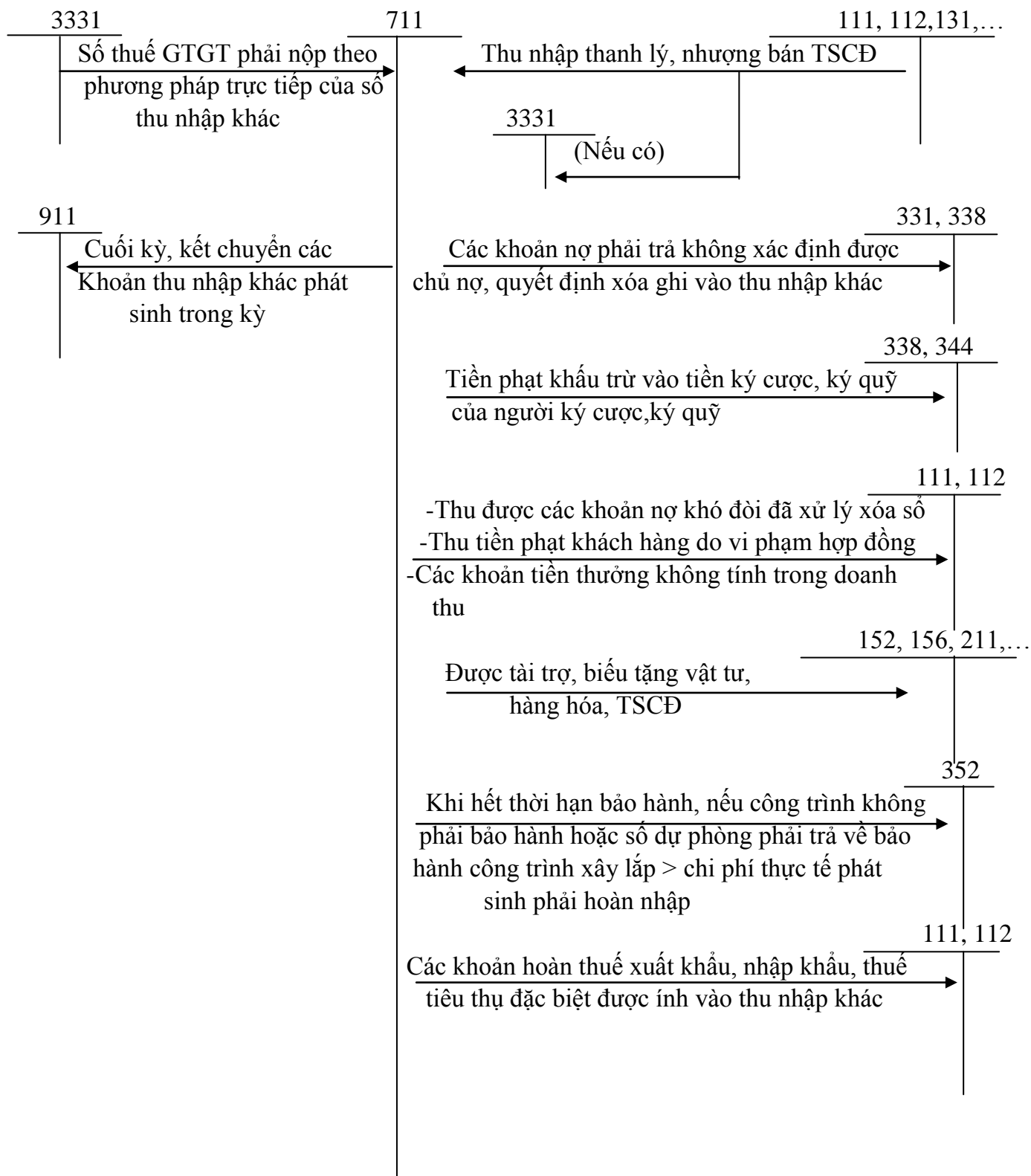
** Kết cấu TK 711*

Nợ	711	Có
<i>Số phát sinh giảm</i>		<i>Số phát sinh tăng</i>
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 		<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
<i>Tổng số phát sinh giảm</i>		<i>Tổng số phát sinh tăng</i>
*Tài khoản 811 “Chi phí khác”		
<p>Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.</p> <p>Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.</p>		
<i>* Kết cấu TK 811</i>		
Nợ	811	Có
<i>Số phát sinh tăng</i>		<i>Số phát sinh giảm</i>
<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ. 		<ul style="list-style-type: none"> - Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
<i>Tổng số phát sinh tăng</i>		<i>Tổng số phát sinh giảm</i>

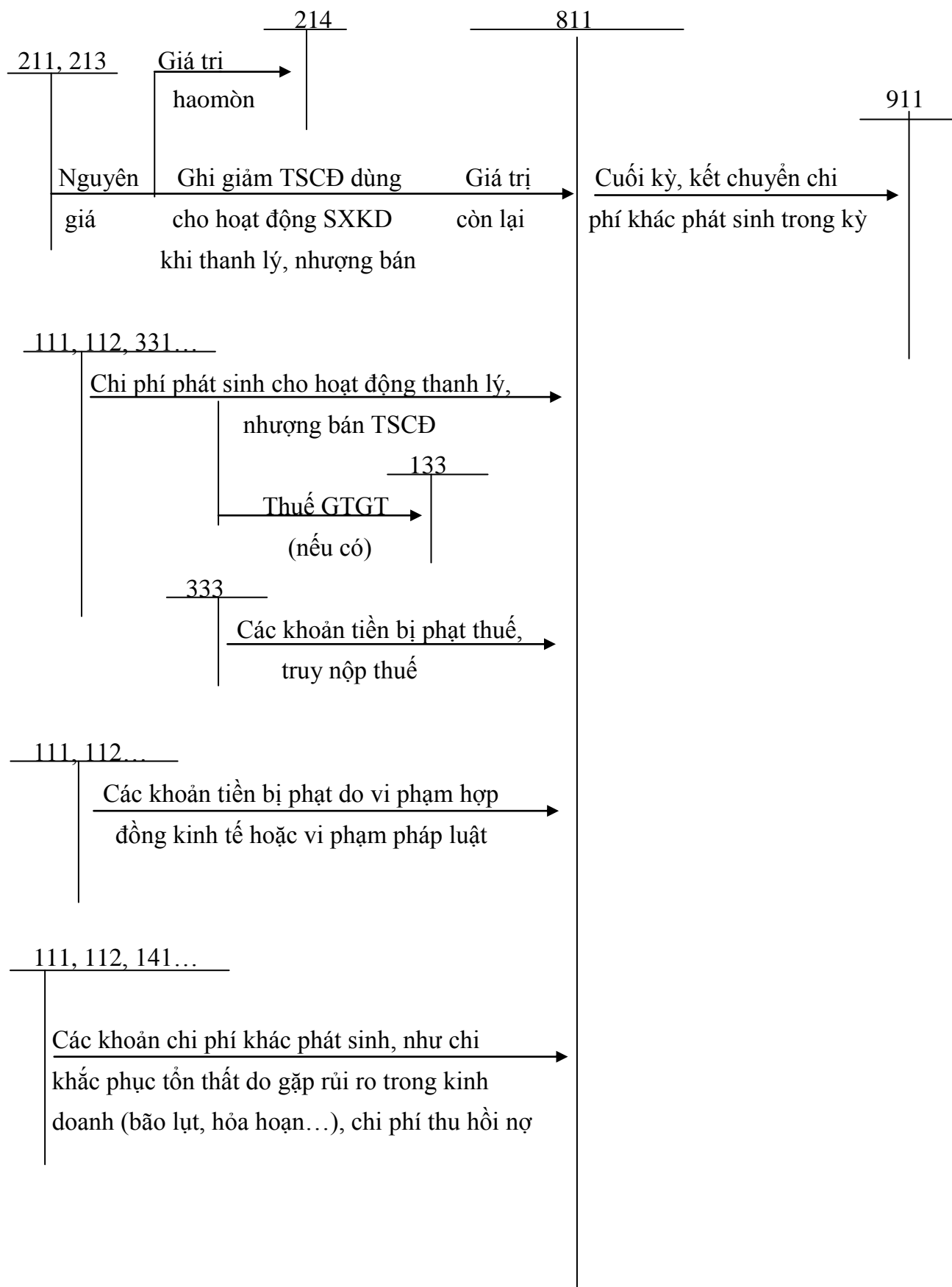
1.2.6.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát qua sơ đồ 1.9 và sơ đồ 1.10 như sau:

Sơ đồ 1.9: Kế toán thu nhập khác



Sơ đồ 1.10: Kế toán chi phí khác



1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.7.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán kết chuyển

1.2.7.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

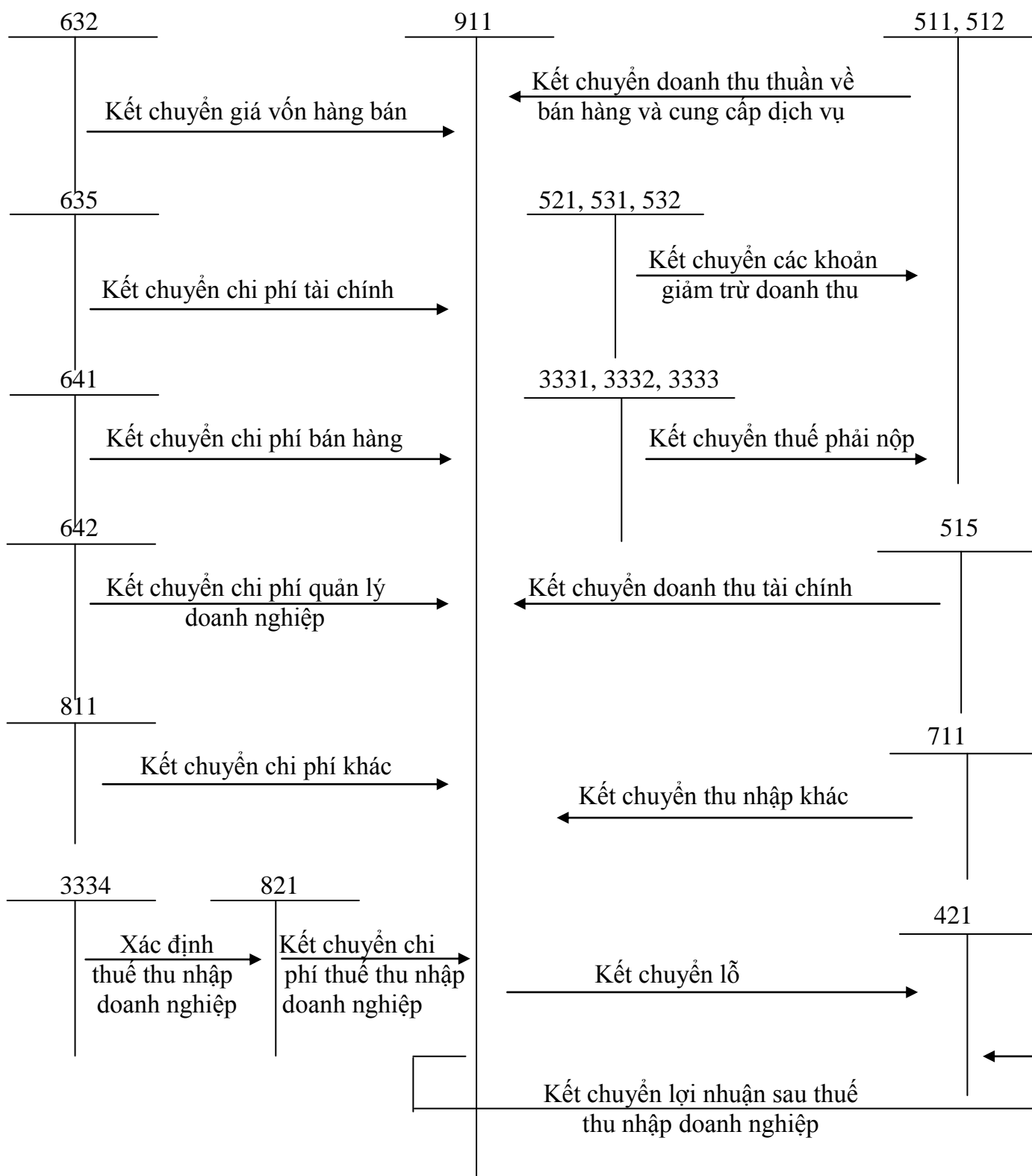
Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

* *Kết cấu TK 911*

Nợ	911	Có
<i>Số phát sinh giảm</i>		<i>Số phát sinh tăng</i>
<ul style="list-style-type: none"> - K/C Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã cung cấp; - K/C Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác; - K/C Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp; - Kết chuyển lãi. 		<ul style="list-style-type: none"> - K/C Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ; - K/C Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp; - K/C Kết chuyển lỗ.
<i>Tổng số phát sinh giảm</i>		<i>Tổng số phát sinh tăng</i>
1.2.7.3. Phương pháp hạch toán		

Phương pháp hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.11 như sau:

Sơ đồ 1.11: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.3. Vận dụng hệ thống sổ sách kế toán trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Sổ kế toán dùng để ghi chép, hệ thống và lưu trữ toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo nội dung kinh tế và trình tự thời gian có liên quan đến doanh nghiệp. Sổ kế toán được mở vào đầu kỳ kế toán năm.

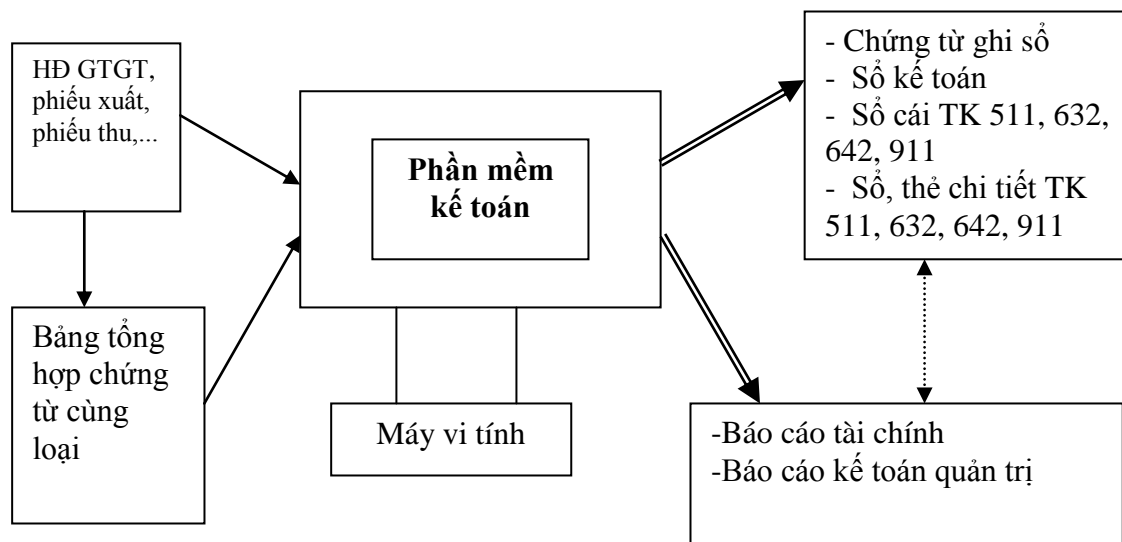
Theo chế độ kế toán hiện hành doanh nghiệp được áp dụng 1 trong 5 hình thức kế toán sau đây :

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái
- Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán máy vi tính

Tại công ty Cổ phần DTC Việt Nam đang áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ trên máy vi tính để phù hợp với công tác quản lý kinh doanh trong doanh nghiệp.

Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ áp dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trên máy vi tính

Sơ đồ 1.1: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức " Chứng từ ghi sổ"



Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- ==→ : Ghi cuối tháng
- ←-.-→ : Đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP DTC VIỆT NAM

2.1. Khái quát chung về công ty:

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty CP DTC Việt Nam .

Công ty CP DTC Việt Nam được Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203003132 ngày 22 tháng 5 năm 2007.

Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần thương mại DTC Việt Nam.

Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ.

Địa chỉ: Số 3 phố mới , huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 031.3630497

Mã số thuế: **020488979**

Vốn điều lệ: 5.000.000.000 (Năm tỷ đồng chẵn).

*** Những thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động**

- Thuận lợi:

Chỉ mới thành lập được 4 năm nhưng công ty đã nhận được sự giúp đỡ, quan tâm của ban ngành thành phố cũng như sự nhiệt tình của đội ngũ lao động có tay nghề cao. Công ty đã tạo dựng được nhiều uy tín và đáp ứng được yêu cầu ngày càng lớn của thị trường đồ điện và xây dựng đặc biệt trong việc cung cấp các dịch vụ sửa chữa máy móc, xây dựng, cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách, hàng hóa, tư vấn kỹ thuật

- Khó khăn:

Công ty CP DTC Việt Nam có quy mô kinh doanh và tiềm năng hoạt động còn nhỏ, công ty bị hạn chế nhiều mặt:

+ Về mặt nhu cầu thị trường: Hiện nay, ngành kinh doanh về đồ điện dân dụng, công nghiệp cũng như vật liệu xây dựng đang gặp khó khăn do yếu tố chủ quan và khách quan của thị trường kinh tế thế giới và kinh tế trong nước mang lại do vậy sự phát triển của ngành đang bị chững lại.

+ Về vốn: Do vốn ít nên việc đầu tư mua sắm các trang thiết bị để cung cấp cho việc sửa chữa còn thiếu, chưa đáp ứng được hết các nhu cầu của khách hàng.

Ngoài ra, sự cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng ngành ngày càng gay gắt cũng là trở ngại cho công ty.

2.1.2. Đặc điểm kinh doanh của công ty công ty CP DTC Việt Nam Công ty kinh doanh các ngành nghề:

1. Bán buôn chuyên doanh khác:

- Vật tư, trang thiết bị phục vụ cho ngành điện, lắp đặt và sửa chữa về điện.

- Máy móc nhỏ như máy phát, máy nén, máy nổ

- Vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ cho ngành xây dựng.

2. Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)

3. Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)

4. Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải

5. Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác:

- Tư vấn, chế tạo, thi công đóng mới và sửa chữa điện

- Tư vấn về thiết bị xử lý về xây dựng tất cả các công trình không kể qui mô.

6. Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm:

- Đào tạo, huấn luyện và cung ứng lao động, thợ sửa chữa

2.1.2.1 Một số kết quả đạt được của công ty CP DTC Việt Nam đạt được trong những năm gần đây.

Hiện nay công ty đã bắt đầu có uy tín và thương hiệu trong việc cung cấp các mặt hàng về đồ điện dân dụng và công nghiệp, dịch vụ vận tải và các dịch vụ về xây dựng.

Kết quả đạt được trong những năm 2008, 2009, 2010 như sau:

- Về lao động: Số lượng tham gia lao động tại công ty ngày càng tăng.

Tính đến tháng 12/2010, tổng số lao động của công ty là 54 người trong đó 80% đã được đào tạo trong các trường đại học, cao đẳng, số còn lại tốt nghiệp trường nghề .

- Về biến động của tài sản và nguồn vốn tại công ty (ĐVT: Đồng VN):

Bảng 2.1. Tình hình biến động tài sản và nguồn vốn trong các năm 2008,2009,2010

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Tài sản			
A. Tài sản ngắn hạn	1.896.768.442	1.110.023.202	2.021.791.541
B. Tài sản dài hạn	538.958.333	417.945.837	1.013.247.331
Tổng tài sản	2.435.726.775	1.527.969.039	3.035.038.872
Nguồn vốn			
A. Nợ phải trả	1.435.726.775	463.239.703	1.896.181.818
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	1.000.000.000	1.064.729.336	1.138.857.054
Tổng cộng nguồn vốn	2.435.726.775	1.527.969.039	3.035.038.872

Nhìn vào bảng trên ta có thể nhận xét như sau: Tổng tài sản và nguồn vốn của công ty năm 2009 có xu hướng giảm, điều này chứng tỏ cơ sở vật chất của công ty chưa được tăng cường, quy mô chưa được mở rộng, điều này làm giảm nguồn lợi tức của công ty.

Nhưng đến năm 2010 thì tổng tài sản và nguồn vốn tăng mạnh điều này chứng tỏ doanh nghiệp đã chú ý tăng cường cơ sở vật chất, đồng thời mở rộng quy mô kinh doanh, việc này đã góp phần làm tăng lợi nhuận của công ty một cách đáng kể.

- Về sự biến động doanh thu, chi phí, và lợi nhuận sau thuế của công ty (ĐVT: đồng):

Bảng 2.2. Tình hình biến động về lợi nhuận trong các năm 2008, 2009, 2010

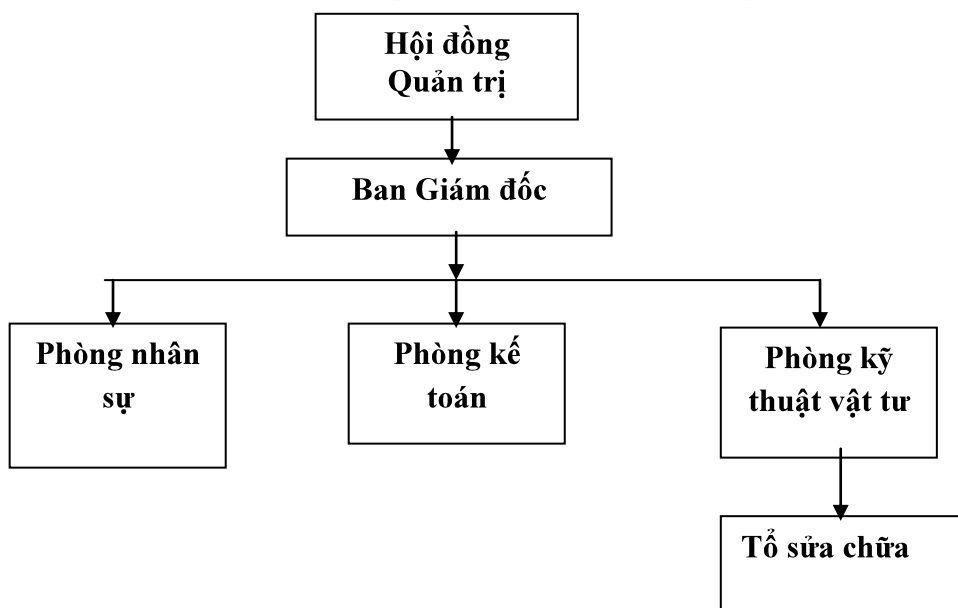
Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Doanh thu thuần	6.361.405.817	3.999.939.637	1.966.050.150
Chi phí QLDN	1.301.019.169	485.100.828	268.907.823
Lợi nhuận sau thuế	78.338.589	109.196.738	680.339.534

Qua bảng trên ta thấy: Doanh thu thuần năm 2010 là thấp nhất nhưng lợi nhuận sau thuế lại cao nhất, gấp nhiều lần so với hai năm trước đó. Có được điều này là do doanh nghiệp đã chú ý đến việc giảm tối đa các chi phí và chú trọng đến các khoản thu nhập khác từ hoạt động tài chính như đầu tư cổ phiếu,... Điều này còn chứng tỏ uy tín và thương hiệu của công ty đang ngày càng lớn mạnh trên thị trường.

2.1.3. Tổ chức bộ máy kinh doanh của công ty CP DTC Việt Nam

Công ty CP DTC Việt Nam là đơn vị kinh doanh độc lập. Công ty đã tổ chức mô hình quản lý kiểu trực tuyến với phương châm sử dụng lao động gọn nhẹ, nâng cao đội ngũ cán bộ có trình độ nghiệp vụ, các phòng ban được phân định rõ ràng cụ thể

Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của doanh nghiệp



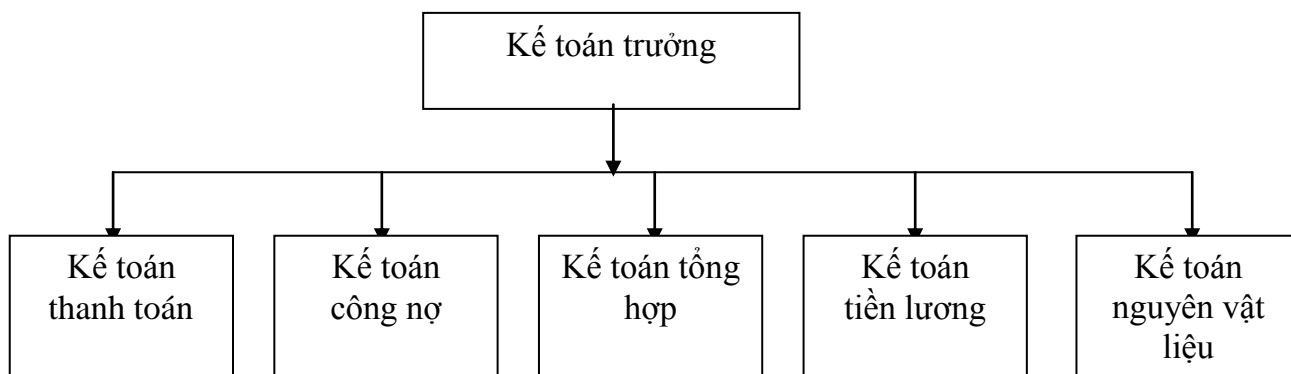
Qua sơ đồ ta thấy chức năng các phòng ban như sau:

- *Chủ tịch hội đồng quản trị*: là người đứng đầu công ty chỉ đạo về chiến lược công ty
- *Giám đốc*: là người đại diện pháp luật, chỉ đạo trực tiếp phân công lao động phù hợp
- *Phòng hành chính nhân sự* : có trách nhiệm tuyển dụng và đào tạo lao động trong công ty cho cán bộ công nhân viên. Thực hiện các công tác hành chính văn phòng như: tiếp khách, photocopy, lưu trữ, đảm bảo văn hoá công ty(trang phục, nề nếp làm việc)và các công tác hành chính khác.
- *Phòng tài chính kế toán* : Có nhiệm vụ thu thập, tổng hợp và xử lý các số liệu thông tin về công tác tài chính kế toán, tham mưu cho giám đốc về hiệu quả của dòng vốn kinh doanh cũng như trong việc lựa chọn và quyết định các phương án kinh doanh....
- *Phòng kỹ thuật vật tư* : Đảm nhận công tác xuất nhập khẩu của công ty giao nhận vật tư, công tác giám sát kiểm tra chất lượng sản phẩm, giải quyết và thực hiện các quy trình phản hồi của công ty khi có khiếu nại của người chăn nuôi thực hiện các quy trình khảo nghiệm.
- *Tổ sửa chữa* : quản lý đồ nghề dụng cụ bảo hộ lao động, thực hiện công việc sửa chữa theo sự chỉ đạo của phòng kỹ thuật vật tư và ban Giám đốc.

2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty CP DTC Việt Nam

- Nhiệm vụ của phòng kế toán của công ty là phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin phục vụ cho công tác quản lý và chỉ đạo kinh doanh. Đồng thời ghi chép vào sổ kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- Với chức năng và nhiệm vụ như vậy, bộ máy kế toán của công ty đã áp dụng chế độ kế toán tập trung:

Sơ đồ 2.3: Bộ máy kế toán tại Công ty CP DTC Việt Nam



Bộ máy kế toán của Công ty gồm 6 người: 1 kế toán trưởng và 5 kế toán viên.

- Kế toán trưởng: chịu trách nhiệm chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra mọi hoạt động của bộ máy kế toán tại Công ty, đứng đầu bộ máy kế toán là kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp và kế toán tiền lương: có chức năng giám sát mọi hoạt động chung của phòng kế toán. Theo dõi tình hình thanh toán công, phụ cấp, trợ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ với các cán bộ công nhân trong toàn công ty. Cuối kỳ tập hợp các khoản mục chi phí, xác định kết quả kinh doanh, tổng hợp số liệu báo cáo tài chính, trình vấn lên giám đốc cho hoạt động trong tương lai của công ty.
- Kế toán tổng hợp: có nhiệm vụ theo dõi tình hình biến động về tài sản cố định luân chuyển trong Công ty, tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định. Các tài khoản kế toán sử dụng TK 211, TK 214
- Kế toán tiền lương: có nhiệm vụ tính toán tiền lương trả cho người lao động, tính và theo dõi trích Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Kinh phí công đoàn theo qui định.
- Kế toán thanh toán: có nhiệm vụ theo dõi việc thu chi tiền mặt, kiểm soát các chứng từ vào quỹ hợp lệ, ghi sổ quỹ tiền mặt..
- Kế toán công nợ: có nhiệm vụ theo dõi tình hình bán hàng, tiêu thụ hàng hóa, đối chiếu lượng hàng hóa mua vào và bán ra, xác nhận các khoản nợ của Công ty.

2.4.1.2. Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán tại Công ty

Công ty Công ty CP DTC Việt Nam tổ chức và vận dụng hệ thống chứng từ ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

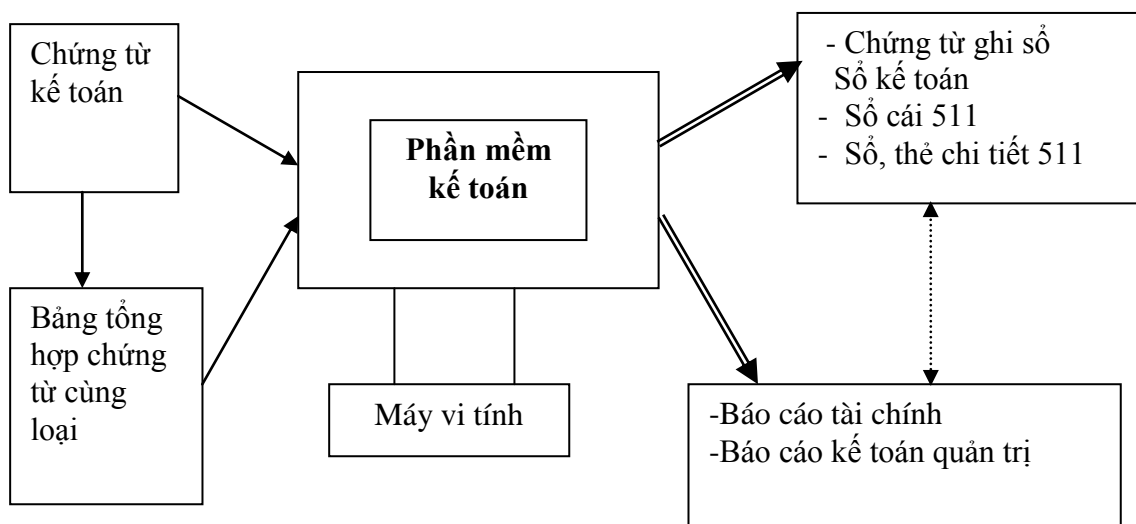
2.1.4.3. Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán tại Công ty

Công ty CP DTC Việt Nam tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

2.1.4.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán tại Công ty

Hiện nay, kế toán Công ty áp dụng theo hình thức Chứng từ ghi sổ và sử dụng phần mềm kế toán trên máy vi tính.

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- ==> : Ghi cuối tháng
- ↔ : Đối chiếu, kiểm tra

Giao diện chương trình kế toán sử dụng tại Công ty



ESOFT là một phần mềm có mức độ tự động hóa cao. ESOFT luôn có khả năng trợ giúp cho các nhân viên kế toán một cách tối đa, nhân viên kế toán chỉ phải thực hiện một số ít các thao tác còn lại. Doanh nghiệp dùng phần mềm kết hợp trình tự ghi sổ theo hình thức nhật lý chung.

Căn cứ vào hệ thống tài khoản kế toán, chế độ thể lệ kế toán, quy mô đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, trình độ của đội ngũ kế toán yêu cầu quản lý cũng như điều kiện trên máy vi tính. Công ty đã áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ. Đây là hình thức đơn giản phù hợp với quy mô của doanh nghiệp vừa và nhỏ, đồng thời trong điều kiện công ty đã áp dụng kế toán máy thì giúp hệ thống hoá thông tin chính xác khoa học.

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế trên phần mềm kế toán.

Theo qui trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào các sổ kế toán tổng hợp và các sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

- Cuối tháng, kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập các báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn

đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu giữa số liệu sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo qui định.

Cuối tháng, cuối năm, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo qui định về sổ kế toán ghi bằng tay.

2.1.4.5. Tổ chức hệ thống báo cáo tại Công ty

Báo cáo tài chính tại Công ty từ năm 2007 đến nay nộp quyết toán theo năm tài chính, gồm:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

Tờ khai thuế nộp theo tháng.

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP DTC Việt Nam

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty CP DTC

Việt Nam

2.2.1.1. Nội dung doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty

Công ty CP DTC Việt Nam là một doanh nghiệp thương mại kinh doanh dịch vụ. Doanh thu của Công ty từ nhiều nguồn khác nhau nhưng được chia làm các mảng chính sau:

- + Doanh thu bán hàng: Công ty thực hiện phương thức tiêu thụ hàng hóa trực tiếp tại kho.
 - Kinh doanh đồ điện dân dụng, điện tàu : Đây là hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty. Hàng năm, sản lượng tiêu thụ mặt hàng này khá lớn. Bởi vậy, doanh thu từ việc kinh doanh này chiếm tỷ trọng lớn và đem lại cho Công ty một khoản lợi nhuận đáng kể.
 - Các loại máy nông cụ như máy nổ, máy phát, máy cắt cỏ, máy nén khí...
- + Doanh thu cung cấp dịch vụ: Tư vấn thiết kế các công trình xây dựng vừa và nhỏ. Doanh thu từ mảng này mang lại không nhiều.

Phương thức thanh toán tại Công ty CP DTC Việt Nam gồm tiền mặt và chuyển khoản.

2.2.1.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

- + Chứng từ sử dụng
 - Hóa đơn GTGT, Hợp đồng mua bán hàng hóa
 - Phiếu xuất kho

- Phiếu thu, Giấy báo có của Ngân hàng
 - Các chứng từ khác có liên quan
- + Tài khoản sử dụng TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Công ty mở 3 tài khoản cấp hai là:
- TK 5111: doanh thu từ hàng hóa
- Trong đó, công ty mở thêm chi tiết :
- TK 51111: Doanh thu từ bán thép thanh.
 - TK 51112: Doanh thu từ bán đồ điện.

2.2.1.3. Quy trình hạch toán

- Đối với hoạt động bán hàng đồ điện, các loại máy móc nhỏ: Căn cứ vào hợp đồng mua bán (nếu có) hoặc căn cứ vào thỏa thuận mua bán của khách hàng, cán bộ quản lý kho viết phiếu xuất kho rồi gửi lên phòng kế toán để làm căn cứ viết hóa đơn GTGT.

- Đối với hoạt động bán thiết bị xây dựng: Do đa phần là khách lẻ mua với số lượng ít nên kế toán lập bảng kê hàng hóa bán lẻ. Sau 7 ngày mới tổng hợp và gửi phiếu xuất lên phòng kế toán làm căn cứ vào phiếu xuất kho, hóa đơn GTGT, phiếu thu. Đối với khách hàng mua với số lượng lớn thì mua lần nào viết hóa đơn GTGT lần đó.

Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho, phiếu thu (in từ phần mềm kế toán ra) và các chứng từ khác có liên quan, kế toán nhập số liệu vào phần mềm. Máy tính sẽ tự động ghi vào Sổ chi tiết, Sổ cái các tài khoản 511, 131... và các sổ khác có liên quan.

Đối với phương thức thanh toán bằng tiền mặt. Hàng ngày, khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng, kế toán viết hoá đơn GTGT.

Hoá đơn giá trị gia tăng hàng bán ra gồm 3 liên:

- ✓ Liên 1: Màu tím được lưu lại quyền hoá đơn.
- ✓ Liên 2: Màu đỏ giao cho khách hàng.
- ✓ Liên 3: Màu xanh luân chuyển trong công ty để ghi sổ kế toán.

Khi khách hàng thanh toán bằng tiền mặt, kế toán viết Phiếu thu, phiếu thu viết làm 3 liên, đặt giấy than viết 1 lần, liên 1 để lưu, liên 2 giao khách hàng, liên 3 giao cho thủ quỹ.

Đối với phương thức thanh toán qua ngân hàng. Khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán nhận được giấy báo có kèm theo Sổ phụ của ngân hàng và tiến hành ghi nhận doanh thu, đồng thời ghi nhận giá vốn tương ứng.

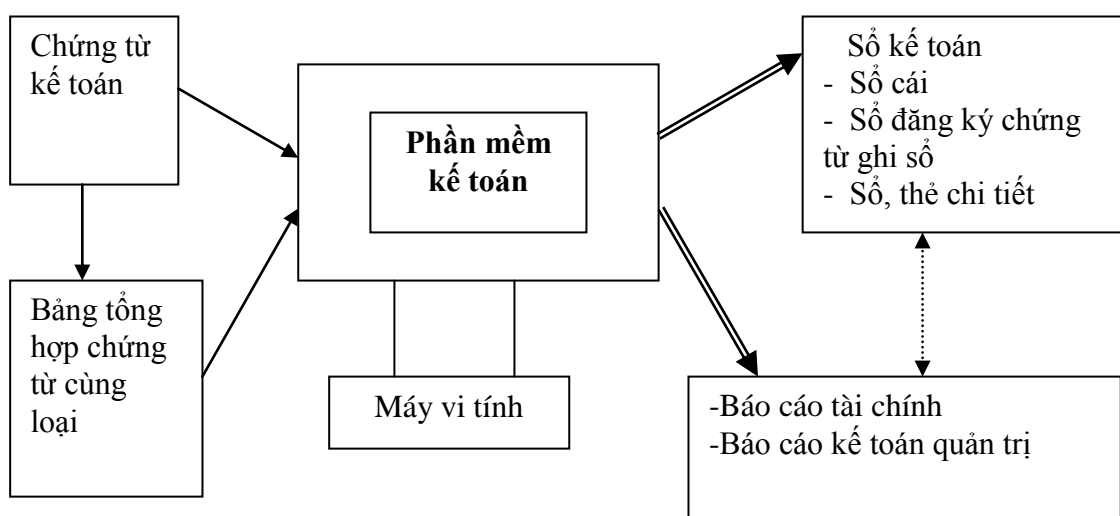
Phương thức bán chịu: được áp dụng với khách hàng lớn và truyền thống. Trong những giai đoạn khó khăn, phải cạnh tranh với các đối thủ thì phạm vi này được mở rộng hơn, nhưng đây là biện pháp tình thế và tiềm ẩn nhiều rủi ro nên công ty nên mở sổ theo dõi chi tiết công nợ để theo dõi chi tiết công nợ nhằm quản lý công nợ phải thu.

Cuối tháng, kế toán thực hiện khóa sổ kế toán để lập Bảng cân đối số phát sinh.

Cuối năm, căn cứ vào Sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

Quy trình hạch toán kế toán doanh thu tại Công ty CP DTC Việt Nam được mô tả theo sơ đồ 2.5.

Sơ đồ 2.5: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu tại CP DTC Việt Nam



Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- ==> : Ghi cuối tháng
- ←.-.-> : Đối chiếu, kiểm tra

**Ví dụ 1:*

Hóa đơn GTGT số 0056282 (Biểu 2.2) ngày 01/05/2010, Bán 3000kg thép 6 cho công ty TNHH khuôn mẫu Gia Khánh, đã thu tiền bằng tiền mặt . Giá vốn là 40.300.000

Định khoản:

+Nợ TK 1111: 51.150.000
 Có TK 51111: 46.500.000
 Có TK 3331 : 4.650.000

*Ví dụ 2:

Hóa đơn GTGT số 0056325 (Biểu 2.1) ngày 31/05/2010, bán đồ điện tàu thủy cho công ty CP & thương mại Long Sơn, tổng giá thanh toán là 837.867.800, đơn giá xuất kho là 452.732.100 thuế suất thuế GTGT 10%, chưa thu tiền.

Định khoản:

+Nợ TK 131: 837.867.800

Có TK 51112: 761.698.000

Có TK 33311: 76.169.800

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ kế toán, kế toán viên nhập dữ liệu vào phần mềm Esoft. Theo trình tự được cài đặt sẵn, máy tính sẽ tự động xử lý số liệu để ghi vào Sổ chứng từ ghi sổ. Từ các chứng từ ghi sổ thông tin sẽ được ghi vào Sổ Cái các tài khoản có liên quan như tài khoản 511, 111... Đồng thời từ các chứng từ gốc thông qua khai báo chi tiết máy tính cũng tự xử lý số liệu ghi vào Sổ Chi tiết các tài khoản có liên quan như Sổ chi tiết tài khoản 511, 111...

Cuối kỳ (hoặc bất kỳ thời điểm nào cần thiết) kế toán thực hiện các bút toán khóa sổ trên máy vi tính để lập các Báo cáo. Máy tính sẽ tự xử lý số liệu từ Sổ Cái để lập Bảng cân đối số phát sinh và Sổ chi tiết để lập Bảng tổng hợp chi tiết. Sau đó theo chương trình cài đặt sẵn, số liệu được xử lý để lập Báo cáo tài chính.

Cuối kỳ các sổ kế toán tổng hợp và sổ chi tiết sẽ được in đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về ghi chép và lưu trữ sổ sách kế toán.

Biểu số 2.1

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 1: Lưu <i>Ngày 01 tháng 05 năm 2010</i>			Mẫu số: 01 GTKT-3LL HĐ/2010B Số: 0056282		
Đơn vị bán hàng: Công ty CP DTC Việt Nam Địa chỉ: Số 3 phố mới Thủy Sơn – Thủy Nguyên – Hải Phòng Số tài khoản: 020488979 <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="4"/> <input type="text" value="8"/> <input type="text" value="8"/> <input type="text" value="9"/> <input type="text" value="7"/> <input type="text" value="9"/> <input type="text" value="4"/> Điện thoại:..... MS:					
Họ tên người mua hàng:..... Tên đơn vị: Công ty TNHH khuôn mẫu Gia Khánh Địa chỉ: 90b ngõ 186 An Dương – HB – Hải Phòng Số tài khoản:..... Hình thức thanh toán: TM. MS: <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="3"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="3"/> <input type="text" value="5"/> <input type="text" value="3"/> <input type="text" value="7"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="5"/> <input type="text" value="8"/>					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
1	Thép xây dựng	Tấn	03	15.500.000	46.500.000
Cộng tiền hàng					46.500.000
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT:					4.650.000
Tổng cộng tiền thanh toán					51.150.000
Số viết bằng chữ: Năm mươi một triệu một trăm năm mươi đồng chẵn.					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>			
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

Biểu số 2.2

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 1: Lưu Ngày 31 tháng 05 năm 2010				Mẫu số: 01 GTKT-3LL HĐ/2010B Số: 0056325													
Đơn vị bán hàng: Công ty CP DTC Việt Nam Địa chỉ: Số 3 phố mới Thủy Sơn – Thủy Nguyên – Hải Phòng Số tài khoản: 020488979 <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">4</td><td style="width: 20px; text-align: center;">8</td><td style="width: 20px; text-align: center;">8</td><td style="width: 20px; text-align: center;">9</td><td style="width: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; text-align: center;">9</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">4</td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td></tr></table>						0	2	0	4	8	8	9	7	9	4		
0	2																
0	4	8	8	9	7	9											
4																	
Điện thoại:..... MS:																	
Họ tên người mua hàng:..... Tên đơn vị: Công ty CP và thương mại Long Sơn Địa chỉ: 602/51A Điện Biên Phủ, P 22, Quận Bình Thạnh, HCM Số tài khoản:..... Hình thức thanh toán: Chưa thanh toán																	
MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">8</td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td></tr></table>						0	3	0	3	5	3	7	0	5	8		
0	3																
0	3	5	3	7	0	5											
8																	
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền												
A	B	C	1	2	3=1*2												
1	Đồ điện cho tàu thủy	THÙNG	10	76.169.800	761.698.000												
Cộng tiền hàng					761.698.000												
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT:					76.169.800												
Tổng cộng tiền thanh toán				837.867.800													
Số viết bằng chữ: Tám trăm ba mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi bảy ngàn tám trăm đồng chẵn.																	
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)													
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)																	

Biểu 2.3: Phiếu thu

CTY CP DTC Việt Nam
Số 3 phố mới Thủy Sơn –
Thủy Nguyên – Hải Phòng

PHIẾU THU Quyển số 03

Mẫu số 02-TT
QĐ số48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09
năm 2006 của Bộ trưởng BTC

Ngày 01 tháng 05 năm 2010

Số: PT050

NỢ TK 111: 51.150.000

CÓ TK 511: 46.500.000

CÓ TK 3331: 4.650.000

Họ, tên người nộp tiền: Nguyễn Hải Bằng
Địa chỉ: Công ty TNHH Gia Khánh
Lý do thu: Thu tiền bán thép HĐ số 0056282
Số tiền: 51.150.000
Viết bằng chữ: Năm mươi một triệu một trăm năm mươi đồng chẵn
Kèm theo: 01 Chứng từ kế toán HĐ 0056282

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Năm mươi một triệu một trăm năm mươi đồng chẵn

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

Ngày 07 tháng 05 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nộp tiền	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu 2.4: Bảng tổng hợp chứng từ gốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DTC VIỆT NAM

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ GỐC

Tháng 05 năm 2010

Ghi nợ tài khoản 111 ghi có tài khoản khác

STT	Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK 111, có TK khác			Tổng nợ TK 111
	NT	SH		TK 131	TK 333	TK511	
	01/05	PT050	Thu tiền bán thép của Cty Gia Khánh		4.650.000	46.500.000	51.150.000

	30/05	PT103	Bán đồ điện cho Cty Long Sơn		2.113.300	21.130.000	23.243.000
	31/05	PT 106	Thu tiền bán hàng cho Cty Khánh Chi		8.614.280	86.142.800	94.757.080

			Cộng	738.465.379	197.705.991	1.977.059.919	7.685.216.463

Ngày ...tháng ... năm ...

Giám đốc

Kế toán trưởng

Kế toán ghi sổ

Biểu 2.5: Bảng tổng hợp chứng từ gốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DTC VIỆT NAM

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ GỐC

Tháng 05 năm 2010

Ghi nợ tài khoản 131 ghi có tài khoản khác

STT	Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK 131, có TK khác			
	NT	SH		TK 3331	TK511	Tổng nợ TK 131
...
	30/05	HD 0056282	Bán đồ điện cho Cty Long Sơn		15.000.000	150.000.000	165.000.000
	31/05	HD 0056283	Bán hàng cho Cty Thủy Giang		7.250.000	72.500.000	79.750.000
	31/05	HD 0056325	Bán đồ điện cho Cty Long Sơn		76.169.000	761.698.000	837.867.800
			Cộng		368.487.214	3.684.872.135	5.039.326.291

Ngày ...tháng ... năm ...

Giám đốc

Kế toán trưởng

Kế toán ghi sổ

Biểu 2.6: Chứng từ ghi sổ

CÔNG TY CỔ PHẦN DTC VIỆT NAM

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 01/05

Ngày 31 tháng 05 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền
	Nợ	Có	
Tổng hợp thu tiền mặt tháng 5	111	131	738.465.379
	111	511	1.977.059.919
	111	3331	92.823.712
	111	711	431.000

Cộng			7.685.216.463

Biểu 2.7: Chứng từ ghi sổ

CÔNG TY CỔ PHẦN DTC VIỆT NAM

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 02/05

Ngày 31 tháng 05 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền
	Nợ	Có	
Tổng hợp phải thu của khách hàng tháng 5	131	511	3.684.872.135
	131	3331	368.487.134

Cộng			5.039.326.921

Biểu 2.8: Sổ chi tiết TK 511

CÔNG TY CỔ PHẦN DTC VIỆT NAM

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/05/2010 đến ngày 31/05/2010

Tài khoản 51112 - Doanh thu bán đồ điện

Dư nợ đầu tháng

Phát sinh nợ: 4.199.087.824

Phát sinh có: 4.199.087.824

Dư nợ cuối tháng

Ngày	Số CT	Diễn giải	TKĐƯ	Phát sinh nợ	Phát sinh có
...
29/05	PT0425	Bán đồ điện cho Cty Gia Khánh	111		7.988.055
30/05	HD56279	Bán đồ điện cho Cty Thành Long	131		25.465.255
31/05	HD56325	Bán đồ điện cho Cty Long Sơn	131		761.698.000
31/05	KC12/3	Kết chuyển	911	4.199.087.824	

Biểu 2.9

CÔNG TY CỔ PHẦN DTC VIỆT NAM

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/05/2010 đến ngày 31/05/2010

Tài khoản 51111 - Doanh thu bán thép

Dư nợ đầu tháng

Phát sinh nợ: 1.462.835.230

Phát sinh có: 1.462.835.230

Dư nợ cuối tháng

Ngày	Số CT	Diễn giải	TKĐƯ	Phát sinh nợ	Phát sinh có
01/05	PT050	Thu tiền bán thép của cty Gia Khánh	1111		46.500.000
02/05	PT450	Thu tiền bán thép	1111		2,741,818
03/05	HD56452	Thu tiền bán thép	131		21,524,722
...
31/05	KC12/3	Kết chuyển	911	1.462.835.230	1.462.835.230

Biểu 2.10

SỔ CÁI TK

Từ ngày 1/05/2010 đến ngày 31/05/2010

TK 511- Doanh thu bán hàng.

CHỨNG TỪ GHI SỔ		Trích yếu	TKĐƯ	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Dư đầu kỳ			
		Tổng phát sinh		5.661.932.054	5.661.932.054
		Dư cuối kỳ			
01/05	31/05	BH thu tiền mặt	111		1.977.059.919
02/05	31/05	BH chưa thu tiền	131		3.684.872.135
.....
14	31/05	K/c doanh thu bán hàng.	911	5.661.932.054	

(Trích sổ cái TK 511- Tháng 05/ 2010)

Biểu 2.9: Sổ chi tiết TK 131

CÔNG TY CỔ PHẦN DTC VIỆT NAM

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/05/2010 đến ngày 31/052010

Tài khoản 131 - Phải thu của khách hàng (Công ty Long Sơn)

Dư nợ đầu tháng

Phát sinh nợ: 1.243.000.000

Phát sinh có: 1.014.000.000

Dư nợ cuối tháng: 229.000.000

Ngày	Số CT	Diễn giải	TKĐƯ	Phát sinh nợ	Phát sinh có
.....
27/05	HD0056279	Thuế GTGT đầu ra	33311	2.546.525	
29/05	GBC 3642	Công ty Long Sơn trả tiền	1121NN		300.000.000
31/05	HD0056325	Đồ điện tàu thủy HD0056325	5112	761.698.000	
31/05	HD0056325	Thuế GTGT đầu ra	33311	76.169.800	

Biểu 2.10: Bảng tổng hợp phải thu khách hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN DTC VIỆT NAM

SỐ DƯ CUỐI CÔNG NỢ

Tài khoản 131 - Phải thu của khách hàng

Đến ngày 31/05/2010

STT	MÃ ĐỐI	TÊN ĐỐI TƯỢNG	DƯ NỢ	DƯ CÓ
1		Phải thu	435.050.000	1.450.000
.....
3	12	Công ty TNHH Gia Khánh		45.000.000
4	15	Công ty TNHH Phú Anh		12.000.000
7	21	Khách mua lẻ	15.250.000	
10	26	Cty Cổ Phần Long Sơn	229.000.000	
12	40	Công ty TNHH Phương Dung	41.800.000	
.....

2.2.2. Kế toán chi phí tại công ty CP DTC Việt Nam

2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

Công ty cổ phần DTC Việt Nam là một doanh nghiệp kinh doanh thương mại và kinh doanh nhiều loại hàng hóa vì vậy, nội dung giá vốn của Công ty như sau:

Giá vốn là toàn bộ giá mua và chi phí có liên quan để có được hàng hóa đó.

Tại Công ty Cổ phần DTC Việt Nam, hàng xuất kho được áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ. Cuối kỳ, kế toán tiến hành xác định đơn giá bình quân theo công thức:

$$\text{Đơn giá BQGQ} = \frac{\begin{array}{c} \text{Trị giá hàng} \\ \text{tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{c} \text{Trị giá hàng} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{c} \text{Số lượng hàng} \\ \text{tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{c} \text{Số lượng hàng} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}}$$

2.2.2.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

+ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho

+ Tài khoản sử dụng

- Để hạch toán giá vốn hàng bán kế toán sử dụng tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”. Tài khoản này kế toán công ty không theo dõi chi tiết trên tài khoản cấp hai.

- Các tài khoản khác có liên quan: TK 156...

2.2.2.3. Quy trình hạch toán

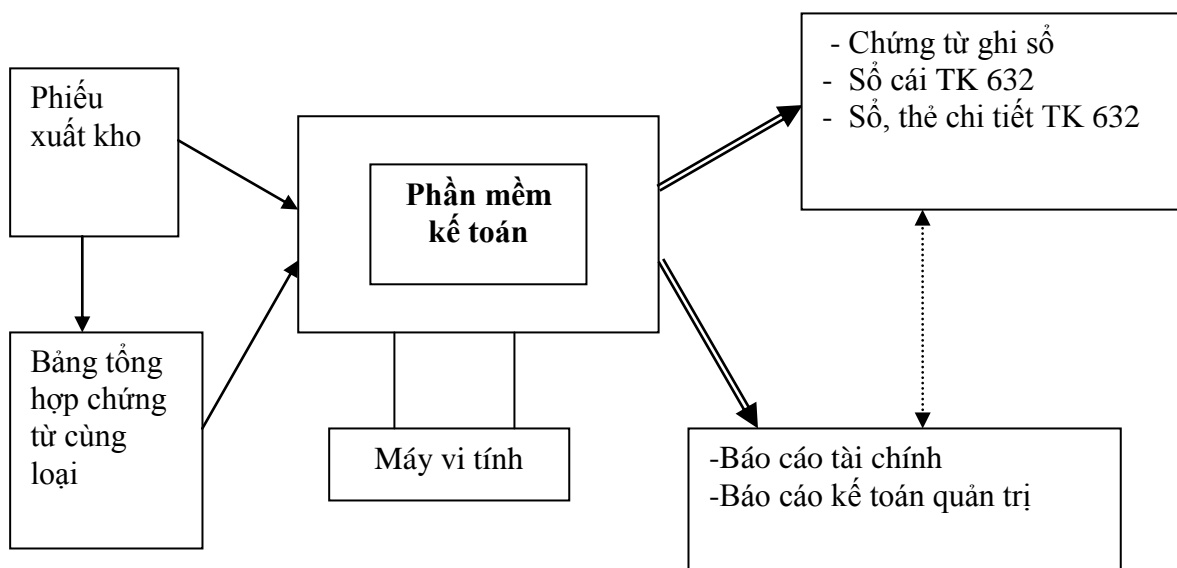
Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT, Phiếu xuất kho, Phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan, kế toán nhập số liệu vào phần mềm. Máy tính sẽ tự động ghi vào các Sổ chi tiết, Sổ cái TK 632, TK 156... và các sổ khác có liên quan.

Cuối tháng, kế toán thực hiện thao tác khóa sổ để lập Bảng cân đối số phát sinh.

Cuối năm, căn cứ vào Sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh, kế toán lập Báo cáo tài chính.

Quy trình hạch toán kế toán giá vốn tại Công ty Cổ phần DTC Việt Nam được mô tả theo sơ đồ 2.6.

Sơ đồ 2.6: Quy trình ghi sổ kế toán giá vốn tại Công ty CP DTC Việt Nam



Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- ==> : Ghi cuối tháng
- ←.....→ : Đối chiếu, kiểm tra

**Ví dụ 3:* Lấy tiếp số liệu ví dụ 1 và 2

**Ví dụ 1:*

Hóa đơn GTGT số 0056325 ngày 31/05/2010, bán đồ điện tàu thủy cho công ty CP & thương mại Long Sơn, tổng giá thanh toán là 837.867.800, đơn giá xuất kho là 452.732.100 thuế suất thuế GTGT 10%, chưa thu tiền.

**Ví dụ 2:*

Hóa đơn GTGT số 0056282 ngày 01/05/2010, Bán 3000kg thép 6 cho công ty TNHH khuôn mẫu Gia Khánh, đã thu tiền bằng tiền gửi ngân hàng. Giá vốn là 40.300.000

Cùng với việc ghi nhận doanh thu bán hàng, kế toán phản ánh giá vốn hàng bán. Trị giá vốn hàng xuất bán được tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ. Từ phiếu xuất kho, kế toán lập Bảng tổng hợp chứng từ gốc, phần mềm kế toán sẽ tự động vào Chứng từ ghi sổ, Sổ chi tiết TK 632, Sổ cái TK 632, và các sổ khác có liên quan. Theo định khoản sau:

Trong kỳ nhập 40 thùng đồ điện tàu thủy , tồn đầu kỳ là 10 thùng đơn giá hàng mua vào trong tháng và tồn đầu tháng đều là 45.273.210 / 1thùng

Đơn giá xuất kho = (40 +10)x 45.273210 = 2.263.660.500 / 50= 45.273.210

+Nợ TK 632: 452.732.100

Có TK 1561: 452.732.100 (Đồ điện)

ĐGBQ xuất kho của thép là 13.433.333VNĐ/ 1 tấn

+Nợ TK 632: 40.300.000

Có TK 1562: 40.300.000 (Thép)

Biểu 2.11: Phiếu xuất kho

ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN DTC VIỆT NAM

Mẫu số 02 – TT
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14 tháng 09 năm 2006
 của Bộ Trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 31 tháng 05 năm 2010

Số: 5628

Tk nợ: 632

Tk có: 1561

- **Họ tên người nhận hàng:** Công ty cổ phần Long Sơn
- **Địa chỉ :** 602/51A Điện Biên Phủ, P 22, Quận Bình Thạnh, HCM
- **Lí do xuất:** Xuất bán
- **Xuất tại kho:** Kho hàng hóa số 3phố mới

Stt	Tên, nhãn hiệu, qui cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	ĐVT	SỐ LƯỢNG		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	E	F	G	H
1	Đồ điện tàu thủy	TT52	Thùng	10		45.273.210	452.732.100
	TỔNG TIỀN	x	x	x	x	x	452.732.100

Số tiền bằng chữ: Bốn trăm năm mươi hai triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn một trăm đồng

Xuất, ngày 31 tháng 05 năm 2010

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu 2.12: Bảng tổng hợp chứng từ gốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DTC VIỆT NAM

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ GỐC

Tháng 05 năm 2010

Ghi nợ tài khoản 632

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK 632, có TK khác				Tổng nợ TK 632
	NT	SH		152	154	1561	1562	
01/05	01/05	0056282	Thép xây dựng				40.300.000	40.300.000
01/05	01/05	0056283	Đồ điện trang trí			15.425.730		15.425.730
...
31/05	31/05	0056325	Đồ điện tàu thủy			452.732.100		452.732.100
			Cộng			1.981.592.895	1.193.696.730	3.175.289.625

Ngàythángnăm

Giám đốc

Kế toán trưởng

Kế toán ghi sổ

Biểu 2.13: Chứng từ ghi sổ

CÔNG TY CỔ PHẦN DTC VIỆT NAM

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 16/05

Ngày 31 tháng 05 năm 2010

STT	Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Giá vốn đồ điện	632	1561	1.981.592.895
2	Giá vốn thép xây dựng	632	1562	1.193.696.730
	Cộng			3.175.289.625

Biểu 2.14: Chứng từ ghi sổ

CÔNG TY CỔ PHẦN DTC VIỆT NAM

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 17/05

Ngày 31 tháng 05 năm 2010

STT	Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn	911	632	3.175.289.625
	Cộng			3.175.289.625

Biểu 2.15: Sổ chi tiết TK 632 (Đồ điện)

CÔNG TY CỔ PHẦN DTC VIỆT NAM

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/05/2010 đến ngày 31/05/2010

Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán – Đồ điện

Ngày	Số CT	DIỄN GIẢI	TKĐƯ'	PS NỢ	PS CÓ
.....
15/05	PX 5034	Đồ điện trang trí	1561	8.148.370	
.....
31/05	PX 5628	Đồ điện tàu thủy	1561	452.732.100	
31/05	KC05	Kết chuyển	911		1.981.592.895
		Tổng số phát sinh		1.981.592.895	1.981.592.895

Biểu 2.16 Sổ chi tiết TK 632 (Thép)

CÔNG TY CỔ PHẦN DTC VIỆT NAM

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/05/2010 đến ngày 31/05/2010

Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán - Thép

Ngày	Số CT	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	PS NỢ	PS CÓ
01/05	PX4682	Xuất bán thép	1562	40.300.000	
...	
05/05	PX4735	Xuất bán thép	1562	35.214.200	
.....	
31/05	KC05/2	K/c giá vốn 632 --> 911	911		1.193.696.730
		Tổng phát sinh		1.193.696.730	1.193.696.730

Ngày tháng năm

Giám đốc

Kế toán trưởng

Kế toán ghi sổ

Biểu 2.17: Sổ cái TK 632

CÔNG TY CỔ PHẦN DTC VIỆT NAM

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/05/2010 đến ngày 31/05/2010

Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán

CHỨNG TỪ GHI SỔ		Trích yếu	TK ĐƯ	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Dư đầu kì			
		Tổng phát sinh		3.175.289.625	3.175.289.625
		Dư cuối kì			
16/05	31/05	Giá vốn hàng bán (Xuất kho hàng hóa)	156	3.175.289.625	
17/05	31/05	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		3.175.289.625

2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng & quản lý kinh doanh của Công ty CP DTC Việt Nam

2.2.3.1. Nội dung chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty

Chi phí quản lý kinh doanh là các chi phí liên quan đến toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nội dung chi phí quản lý kinh doanh của Công ty CP DTC Việt Nam bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng, nhân viên quản lý
- Chi phí bán hàng như dịch vụ hậu mãi, bảo hành...
- Phí chuyển tiền, Phí quản lý tài khoản...
- Trả lãi vay Ngân hàng
- Chi đồ dùng văn phòng và các khoản chi dịch vụ mua ngoài khác

2.2.3.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

+ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, Giấy báo nợ của Ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

+ Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng TK 642 “Chi phí quản lý kinh doanh”. Công ty mở chi tiết 3 tài khoản cấp hai như sau:

- TK 6421: Chi phí bán hàng
- TK 6422: Chi phí quản lý
- TK 6423: Chi phí lãi vay

2.2.3.3. Quy trình hạch toán

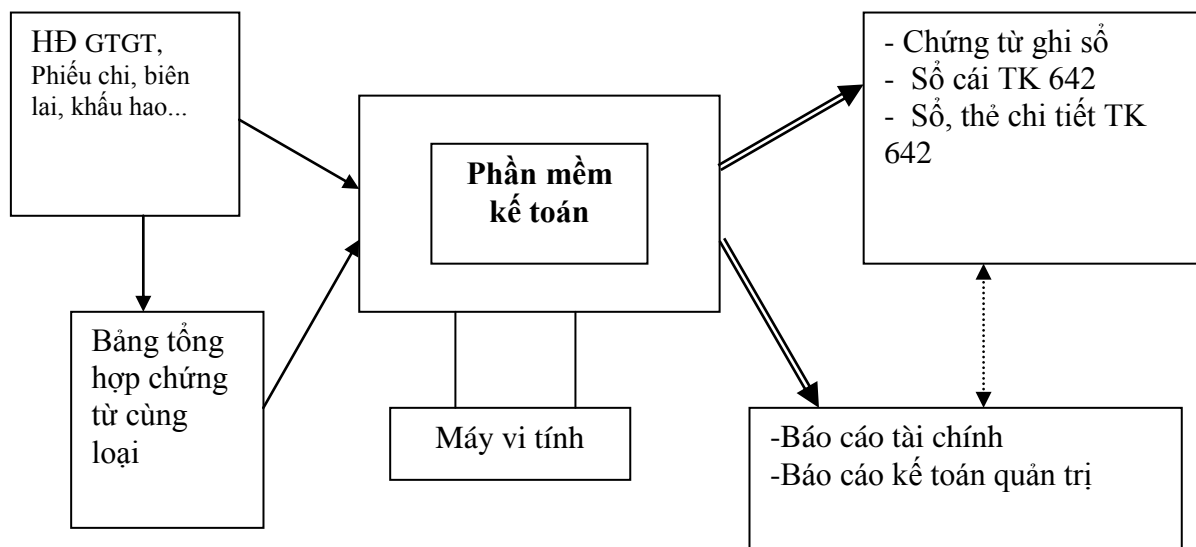
Hàng ngày khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến nội dung chi phí quản lý kinh doanh, căn cứ vào các chứng từ, kế toán nhập dữ liệu vào máy tính. Phần mềm kế toán sẽ tự động vào Sổ chi tiết TK 642, Sổ cái TK 642 và các tài khoản khác có liên quan. Cuối tháng, kế toán thực hiện thao tác khóa sổ kế toán để lập Bảng cân đối số phát sinh.

Cuối năm, căn cứ vào Sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH ô tô Hoa Mai được mô tả theo sơ đồ 2.7.

Sơ đồ 2.7: Quy trình ghi sổ kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty CP DTC

Việt Nam



Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- ==> : Ghi cuối tháng
- ↔ : Đối chiếu, kiểm tra

*Ví dụ 4:

Ngày 02/05/2010, Công ty CP DTC Việt Nam thanh toán tiền cước điện thoại cố định của Tập đoàn viễn thông Quân đội Viettel thang 4 cho bộ phận quản lý theo hóa đơn số 6046930, số tiền là 538.248đ(Chưa bao gồm 10% thuế GTGT):

Biểu 2.18: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
 Liên 2: Giao khách hàng
 Ngày 02 tháng 05 năm 2010

Mẫu số: 01/GTKT-3LL-10
 Được sử dụng theo công văn số :
 12187/CT-QTTVAC ngày 29/8/2007
 Ký hiệu (Serial No): AB/2010T
 Số (No) 5340206

Đơn vị bán hàng: Tập đoàn viễn thông Quân đội (Viettel)		Điện thoại: 04.62660 131				
Địa chỉ: Số 1 Giang Văn Minh – Ba Đình – Hà Nội		Fax: 04.62660 137				
Mã số thuế :	<input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="9"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="6"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>			
Tên khách hàng: Công ty CP DTC Việt Nam						
Địa chỉ (address): Số 3 Phố mới – Thủy Sơn – Thủy Nguyên – Hải Phòng						
Số điện thoại:						
Hình thức thanh toán: TM		MS: 020488979				
STT (Item)	Đơn vị cung cấp dịch vụ (Supplying company)	Mã số thuế (taxation Code)	Mã dịch vụ (service Code)	Tiền dịch vụ (Service charges)	Tiền thuế GTGT (VAT amuont) 10% (VND)	Tổng cộng (Grand total) VND
1	Home phone			538.248	53.824.8	592.073
Tổng cộng tiền thanh toán:					592.073	
Số tiền viết bằng chữ: Năm trăm chín mươi hai nghìn không trăm bảy mươi ba đồng						
Người nộp tiền ký (Signature of payer)				Ngày 02 tháng 05 năm 2010		
				Đại diện giao dịch ký (Representative signature)		
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập. giao, nhận hóa đơn)						

Biểu số 2.19

PHIẾU CHI

CTY CP DTC Việt Nam
Số 3 phố mới
Thuỷ Sơn – Thuỷ Nguyên – Hải Phòng

Quyển số 06

Mẫu số 02-TT
QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14
tháng 09 năm 2006 của
Bộ trưởng BTC

Ngày 22 tháng 05 năm 2010

Số: PC048

NỢ: 642-1331

CÓ: 111

Họ, tên người nộp tiền: Vũ Thị Thanh
Địa chỉ: Bộ phận quản lý
Lý do thu: Trả cước điện thoại cố định tháng 5
Số tiền: 592.073 (đ)
Viết bằng chữ: Năm trăm chín mươi hai ngàn không trăm bảy mươi ba đồng chẵn
Kèm theo: **Chứng từ kế toán**
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Năm trăm chín mươi hai ngàn không trăm bảy mươi ba đồng chẵn
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc đá quý):
+ Số tiền quy đổi:

Ngày 22 tháng 05 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận tiền	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN DTC VIỆT NAM
CHỨNG TỪ GHI SỔ
Số 03/05

Ngày 31 tháng 05 năm 2010

STT	Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Thanh toán tiền cước điện thoại tháng 4	642	111	538.248
2	Thuế GTGT	133	111	53.825
3		331	111	452.451
4		334	111	1.584.698
...
	Cộng			5.687.845

Biểu 2.20: Sổ chi tiết TK 6422

Công ty CP DTC Việt Nam

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/05/2010 đến ngày 31/05/2010

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh

Ngày	Số CT	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	PS NỢ	PS CÓ
		Dư nợ đầu kỳ			
...	
02/05	PC696	Phí chuyển tiền	111	20,000	
02/05	PC698	Trả tiền cước điện thoại cố định tháng 5	1111	538.298	
...	
08/05	PC707	Trả tiền phí vận chuyển	1111	2,200,000	
...	
31/05	KC05	K/c chi phí QLKD 642 --> 911	911		286.756.820
		Tổng phát sinh		286.756.820	286.756.820
		Dư nợ cuối kỳ			

Ngày tháng năm

Giám đốc

Kế toán trưởng

Kế toán ghi sổ

Biểu 2.21: Sổ cái TK 642

Công ty CP DTC Việt Nam

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/05/2010 đến ngày 31/05/2010

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh

CHỨNG TỪ GHI SỔ		Trích yếu	TKĐƯ	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Dư đầu kỳ			
		Tổng phát sinh		682.881.043	682.881.043
		Dư cuối kỳ			
03/05	31/05	Chi phí bằng tiền mặt	111	538.248	
19/05	31/05	Chi phí khấu hao TSCĐ	214	211,648,082	
20/05	31/05	Chi lương cho nv QLDN	334	138,452,000	
				
22/05	31/05	Kết chuyển chi phí QLKD	911		682.881.043

2.2.4. Kế toán chi phí tài chính của Công ty CP DTC Việt Nam

2.2.4.1. Nội dung chi phí tài chính của Công ty

Chi phí hoạt động tài chính là tài khoản gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay, đi vay, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ do chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...

➤ **Đề hạch toán chi phí tài chính kế toán sử dụng TK 635:**

- TK 6351: Lãi tiền vay
- TK 6352: Lỗ chênh lệch tỉ giá

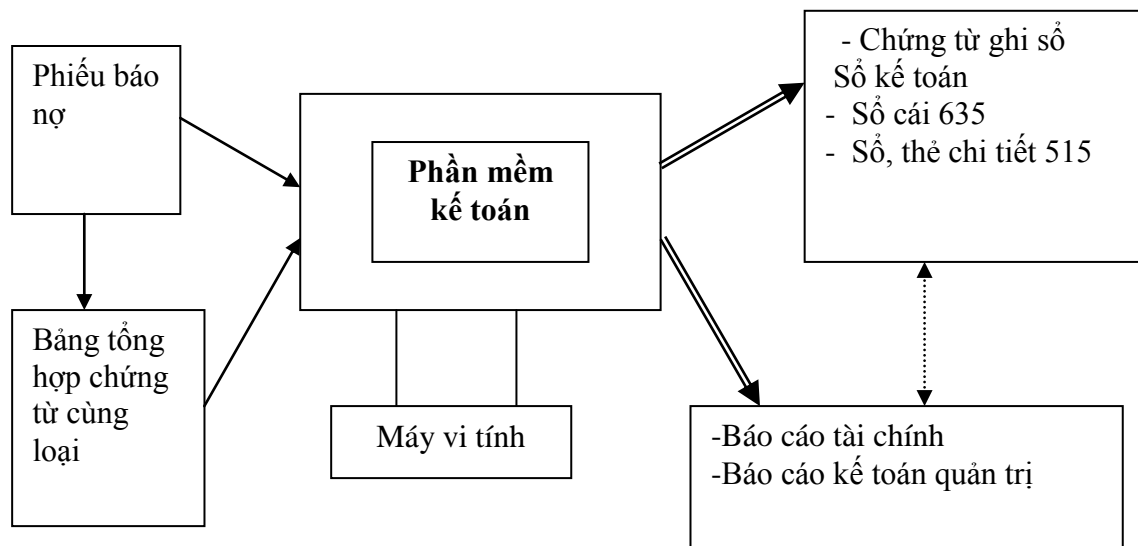
➤ **Chứng từ sổ sách kế toán sử dụng:**

- Giấy báo có của ngân hàng.
- Phiếu chi
- Bảng kê tính lãi của ngân hàng
- Sổ chi tiết TK 112
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 635

2.2.4.2. Quy trình hạch toán

Hàng ngày, khi có nghiệp vụ nhập khẩu hàng hóa, căn cứ vào hóa đơn, phiếu xuất kho, giấy báo nợ của Ngân hàng... kế toán nhập dữ liệu vào máy tính. Phần mềm kế toán sẽ tự động vào Sổ chi tiết, Sổ cái tài khoản 635 và các tài khoản khác có liên quan.

Sơ đồ 2.8: Quy trình ghi sổ kế toán chi phí tài chính tại Công ty CP DTC Việt Nam



Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- ==> : Ghi cuối tháng
- ←.-.-> : Đối chiếu, kiểm tra

**Ví dụ:*

Ngày 12/05/2010, Công ty CP DTC Việt Nam nhận được thông báo đóng lãi tiền vay của ngân hàng GP Bank và phí chuyển tiền. Số tiền là 112.658.360 công ty đã trả bằng chuyển khoản.

Định khoản : Nợ tk 635 : 112.658.360

Có tk 112 : 112.658.360

Căn cứ vào các chứng từ liên quan, kế toán lập Bảng tổng hợp chứng từ gốc và nhập dữ liệu vào máy tính. Phần mềm kế toán sẽ tự động vào Chứng từ ghi sổ Sổ chi tiết TK 635, Sổ cái TK 635 và các sổ khác có liên quan.

Biểu 2.22: Phiếu báo nợ

NGÂN HÀNG DẦU KHÍ TOÀN CẦU GP BBANK

Theo công văn số 21208/CT/AC
Cục thuế Hà Nội

PHIẾU BÁO NỢ

Trang 1/1

Ngày 12 tháng 05 năm 2010

Kính gửi: Công ty CP DTC Việt Nam

Số tài khoản: **109.20158115.05.0**

Địa chỉ: Số 3 Phố mới – Thủy Sơn – Thủy Nguyên –

Loại tiền: VND

Hải Phòng

Loại tài khoản: TIỀN GỬI VỐN CHUYÊN DỤNG

Mã số thuế: 020488979

Số bút toán hạch toán: PDLĐ0928100089;340

Số ID khách hàng: 20158115

số giao dịch 2288

Chúng tôi xin thông báo đã ghi nợ tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

	Nội dung	Số tiền
	Thu nợ lãi (PD-IN)	112.658.360,00
	Tổng số tiền	112.658.360,00

Số tiền bằng chữ:

Một trăm mười hai triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn ba trăm

Trích yếu:

sáu mươi đồng lãi (PD-IN)

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

Biểu 2.23

Công ty cổ phần DTC Việt Nam

Mẫu số S02- DN

Ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ- BTC

ngày 14/09/2006 của BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 04/05

Ngày 31.....tháng 05.....năm 2010.....

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền
	Nợ	Có	
.....
Phí chuyển tiền+ lãi vay NH	6351	112	112.658.360
.....
Cộng			182.323.052

Kèm theo chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 05 năm 2010

Người lập
(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, họ tên)

Biểu 2.24: Sổ chi tiết TK 635

Công ty CP DTC Việt Nam

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/05/2010 đến ngày 31/05/2010

Tài khoản 635 - Chi phí tài chính

Ngày	Số CT	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	PS NỢ	PS CÓ
		Dư nợ đầu kỳ			
.....
12/05	GBN 2288	Trả tiền lãi vay cho ngân hàng GP Bank	112	112.658.360	
.....
31/05	KC13/05	Kết chuyển chi phí tài chính	911		182.323.052
		Tổng phát sinh		182.323.052	182.323.052
		Dư nợ cuối kỳ			

Ngày tháng năm

Giám đốc

Kế toán trưởng

Kế toán ghi sổ

Biểu 2.25

Công ty CP DTC Việt Nam

SỔ CÁI TK

Từ ngày 1/05/2010 đến ngày 31/05/2010

TK 635- Chi phí hoạt động tài chính.

Chứng từ		Trích yếu	TKĐƯ	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Dư đầu kì			
		Tổng phát sinh		182.323.052	182.323.052
		Dư cuối kì			
04/05	12/05	Phí chuyển tiền + lãi vay ngân hàng.	112	112.658.360	
.....
22/05	31/05	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính.	911		182.323.052

2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác của Công ty CP DTC Việt Nam

2.2.5.1. Nội dung thu nhập khác và chi phí khác của Công ty

- Kế toán sử dụng TK 711 để ghi nhận thu nhập khác & TK 811 để ghi nhận chi phí khác

- Thu nhập khác là các khoản thu nằm ngoài các khoản thu kể trên. Công ty CP DTC Việt Nam, các khoản thu nhập khác phát sinh không nhiều, chủ yếu là thu từ thanh lý nhượng bán tài sản cố định và bán những đồ điện phẩ phẩm bị hỏng không bán được cho các khách hàng.

- Chi phí khác là những khoản chi không thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh hay hoạt động tài chính. Tại Công ty CP DTC Việt Nam, các khoản chi phí khác phát sinh chủ yếu là nằm trong giá trị còn lại của tài sản cố định khi thanh lý nhượng bán.

2.2.5.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

+ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Quyết định thanh lý nhượng bán tài sản cố định
- Biên bản bàn giao tài sản cố định
- Phiếu thu

+ Tài khoản sử dụng

- TK 711
- TK 811
- Các tài khoản khác có liên quan

2.2.5.3. Quy trình hạch toán

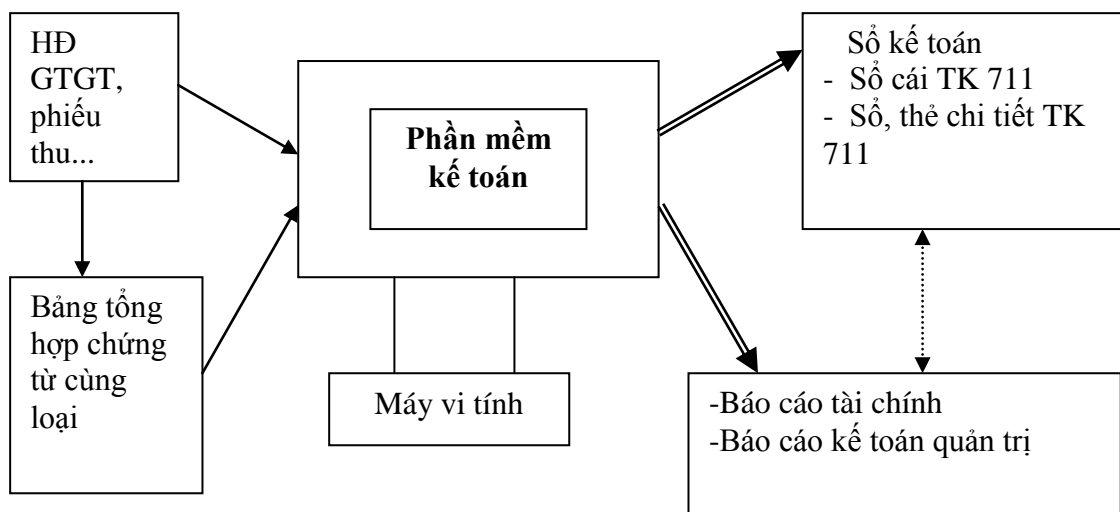
Hàng ngày, khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh, căn cứ vào các chứng từ gốc như quyết định thanh lý tài sản cố định và biên bản bàn giao tài sản cố định, hóa đơn GTGT, phiếu thu... kế toán nhập dữ liệu vào máy tính. Phần mềm kế toán sẽ tự động vào Sổ chi tiết TK 711, Sổ chi tiết TK 811, Sổ cái TK 711, Sổ cái TK 811 và các sổ khác có liên quan.

Cuối tháng, kế toán thực hiện thao tác khóa sổ kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Cuối kỳ, lập Báo cáo tài chính

Quy trình hạch toán kế toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty Cổ phần DTC Việt Nam được mô tả theo sơ đồ 2.9.

Sơ đồ 2.9: Quy trình ghi sổ kế toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty CP DTC Việt Nam



Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- ==> : Ghi cuối tháng
- ←-.-> : Đối chiếu, kiểm tra

*Ví dụ 6:

Ngày 31/05/2010 công ty thu được tiền bán phế liệu với số tiền: 431.000 đ, đã thu tiền mặt.

Dựa vào phiếu thu, kế toán lập phiếu kế toán, Bảng tổng hợp chứng từ gốc và nhập số liệu vào máy tính. Phần mềm kế toán sẽ tự động vào Chứng từ ghi sổ, Sổ chi tiết TK 711, Sổ cái TK 711 và các sổ khác có liên quan.

Biểu 2.26

CTY CP DTC Việt Nam
Số 3 phố mới
Thuỷ Sơn – Thuỷ Nguyên – Hải Phòng

PHIẾU THU

Quyển số 04

Mẫu số 02-TT
QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng
09 năm 2006 của
Bộ trưởng BTC

Ngày 31 tháng 05 năm 2010

Số: PT048

NỢ 111: 431.000

CÓ 711: 431.000

Họ, tên người nộp tiền: *Bùi Văn Quyết*
Địa chỉ: *Số 22 Đường Hà Nội - Quán Toan – HB - HP*
Lý do nộp: *Thu tiền phế phẩm*
Số tiền: *431.000 (đ)*
Viết bằng chữ: *Bốn trăm ba mươi một nghìn bốn trăm đồng chẵn./.*
Kèm theo: *Chứng từ kế toán*

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Bốn trăm ba mươi một nghìn đồng chẵn./.*
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc đá quý):
+ Số tiền quy đổi:

Ngày 30 tháng 05 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận tiền	Thủ quỹ
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Biểu 2.27: Sổ chi tiết TK 711

Công ty CP DTC Việt Nam

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
 Từ ngày 01/05/2010 đến ngày 31/05/2010

Tài khoản 711 - Thu nhập khác

Ngày	Số CT	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	PS NỢ	PS CÓ
		Dư nợ đầu kỳ			
31/05	PT048	Thu nhập khác	1111		431.000
31/05	KC12/5	Kết chuyển thu nhập khác 711 --> 911	911	431.000	
		Tổng phát sinh		431.000	431.000
		Dư nợ cuối kỳ			

Ngày tháng năm

Giám đốc

Kế toán trưởng

Kế toán ghi sổ

Biểu 2.28: Sổ cái TK 711

Công ty CP DTC Việt Nam

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/05/2010 đến ngày 31/05/2010

Tài khoản 711 - Thu nhập khác

CHỨNG TỪ GHI SỔ		Trích yếu	TKĐƯ	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Dư đầu kì			
		Tổng phát sinh		431.000	431.000
		Dư cuối kì			
01/05	31/05	Thu nhập khác	111	431.000	
22/05	KC12/5	Kết chuyển thu nhập khác 711 --> 911	911		431.000
.....

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty CP DTC Việt Nam

Kết quả kinh doanh là chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Kết quả kinh doanh được xác định là chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập và các khoản chi phí trong kỳ.

Kế toán sử dụng TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

2.2.6.1. Nội dung xác định kết quả kinh doanh của Công ty

Cuối kỳ, kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ kế toán.

* Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - Các khoản giảm trừ DT

* Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ - Giá vốn hàng bán

$$\begin{aligned} * \text{ Lợi nhuận thuần} &= \text{ Lợi nhuận gộp về bán} &- &\text{ Chi phí tài} &- &\text{ Chi phí quản} \\ \text{từ hoạt động kinh} &\text{ hàng và cung cấp dịch} &&\text{ chính} &&\text{ lý kinh} \\ \text{doanh} &\text{ vụ} &&&&\text{ doanh} \end{aligned}$$

$$* \text{ Lợi nhuận khác} = \text{ Thu nhập khác} - \text{ Chi phí khác}$$

$$* \text{ Tổng lợi nhuận kế} = \text{ Lợi nhuận thuần} + \text{ Lợi nhuận khác}$$

toán trước thuế từ hoạt động kinh doanh

$$\begin{aligned} * \text{ Lợi nhuận sau} &= \text{ Tổng lợi nhuận} &- &\text{ Chi phí thuế} &+ &\text{ Lãi tiền gửi} \\ \text{thuế thu nhập} &\text{ kế toán trước thuế} &&\text{ thu nhập} &&\text{ Ngân hàng} \\ \text{doanh nghiệp} &&&\text{ doanh nghiệp} && \end{aligned}$$

2.2.6.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

+ Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán, Bút toán kết chuyển

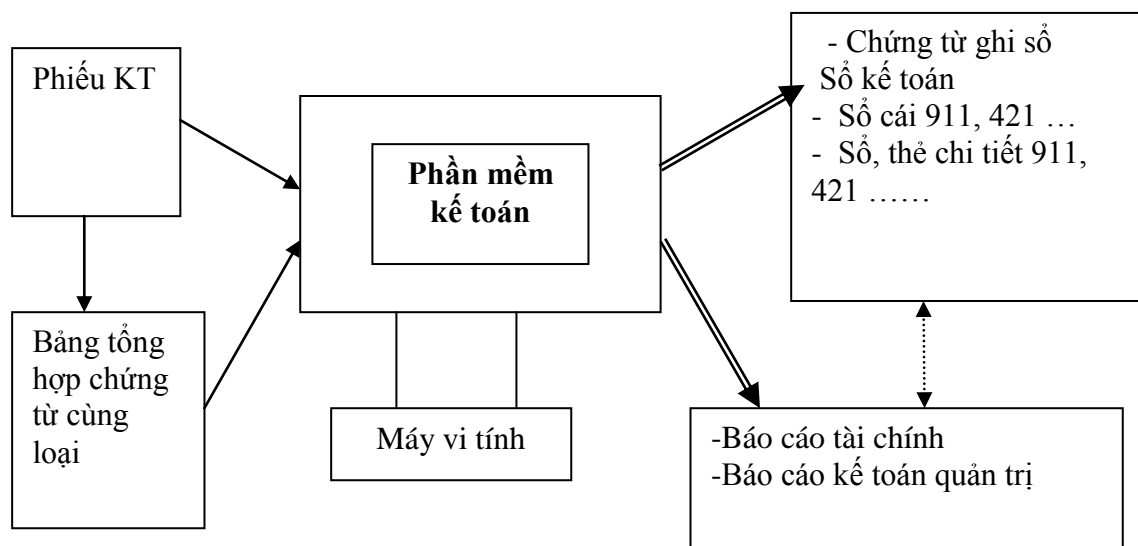
+ Tài khoản sử dụng

- TK 911

- Các tài khoản khác có liên quan

2.2.6.3. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.10: Quy trình ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP DTC Việt Nam



Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- ==> : Ghi cuối tháng
- <-.-> : Đối chiếu, kiểm tra

*Ví dụ:

Cuối kỳ, phần mềm kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển tự động từ các Sổ cái tài khoản 511, 632, 635, 642, 711, 811 sang tài khoản 911 và lập Chứng từ ghi sổ. Sau đó vào Sổ chi tiết TK 911, Sổ cái TK 911 và các sổ khác có liên quan.

Nếu doanh thu lớn hơn chi phí thì kế toán xác định thuế thu nhập doanh nghiệp và kết chuyển lãi sang bên Có tài khoản 421.

Nếu doanh thu nhỏ hơn chi phí thì kế toán kết chuyển phần lỗ sang bên Nợ tài khoản 421.

Biểu 2.29: Bút toán kết chuyển tự động
BÚT TOÁN KẾT CHUYỂN TỰ ĐỘNG

Ngày: 31/05/2010

Số tiền: 5.661.932054 VNĐ.

Viết bằng chữ: Năm tỉ sáu trăm sáu mươi một triệu chín trăm ba mươi hai nghìn không trăm năm mươi tư đồng.

Kèm theo: ... chứng từ gốc.

TK nợ	TK có	Số tiền	Diễn giải
5111	911	4.199.087.824	Kết chuyển doanh thu hoạt động SXKD
5112	911	1.462.835.230	Kết chuyển doanh thu hoạt động SXKD

BÚT TOÁN KẾT CHUYỂN TỰ ĐỘNG

Ngày: 31/05/2010

Số tiền: 3.175.289.625 VNĐ.

Viết bằng chữ: Ba tỉ một trăm bảy mươi năm triệu hai trăm tám mươi chín nghìn sáu trăm hai mươi năm đồng.

Kèm theo: ... chứng từ gốc.

TK nợ	TK có	Số tiền	Diễn giải
911	632	3.175.289.625	Kết chuyển giá vốn hàng bán

BÚT TOÁN KẾT CHUYỂN TỰ ĐỘNG

Ngày: 31/05/2010

Số tiền: 582.823.052 VNĐ.

Viết bằng chữ: Năm trăm tám mươi hai triệu tám trăm hai mươi ba nghìn không trăm năm mươi hai đồng.

Kèm theo: ... chứng từ gốc.

TK nợ	TK có	Số tiền	Diễn giải
911	635	582.323.052	Kết chuyển chi phí tài chính

BÚT TOÁN KẾT CHUYỂN TỰ ĐỘNG

Ngày: 31/05/2010

Số tiền: 182.881.043 VNĐ.

Viết bằng chữ: Một trăm tám mươi hai triệu tám trăm tám mươi một nghìn không trăm bốn mươi ba đồng.

Kèm theo: ... chứng từ gốc.

TK nợ	TK có	Số tiền	Diễn giải
911	642	182.881.043	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh

BÚT TOÁN KẾT CHUYỂN TỰ ĐỘNG

Ngày: 31/05/2010

Số tiền: 431.000 VNĐ.

Viết bằng chữ: Bốn trăm ba mươi một nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: ... chứng từ gốc.

TK nợ	TK có	Số tiền	Diễn giải
711	911	431.000	Kết chuyển thu nhập khác

BÚT TOÁN KẾT CHUYỂN TỰ ĐỘNG

Ngày: 31/05/2010

Số tiền: 1.721.860.734 VNĐ.

Viết bằng chữ: Một tỷ bảy trăm hai mươi một triệu tám trăm sáu mươi nghìn bảy trăm ba mươi tư đồng .

Kèm theo: ... chứng từ gốc.

TK nợ	TK có	Số tiền	Diễn giải
911	421	1.291.395.250	Kết chuyển lãi

PHIẾU KẾ TOÁN KHÁC VNĐ

Ngày 31/05/2010

Số phiếu: PK 28

Số tiền: 430.465.183 VNĐ.

Viết bằng chữ: Bốn trăm ba mươi triệu bốn trăm sáu mươi năm nghìn một trăm tám ba đồng.

Kèm theo: ... chứng từ gốc.

TK nợ	TK có	Số tiền	Diễn giải
821	3334	430.465.084	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

BÚT TOÁN KẾT CHUYỂN TỰ ĐỘNG

Ngày: 31/05/2010

Số tiền: 430.465.183 VNĐ.

Viết bằng chữ : Bốn trăm ba mươi triệu bốn trăm sáu mươi năm nghìn một trăm tám ba đồng.

Kèm theo: ... chứng từ gốc.

TK nợ	TK có	Số tiền	Diễn giải
4212	821	430.465.084	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Biểu 2.29: Chứng từ ghi sổ

CÔNG TY CỔ PHẦN DTC VIỆT NAM

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 20/05

Ngày 31 tháng 05 năm 2010

STT	Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu hoạt động SXKD	511	911	5.661.923.054
2	Kết chuyển thu nhập khác	711	911	431.000
	Cộng			5.662.354.054

Biểu 2.30: Chứng từ ghi sổ

CÔNG TY CỔ PHẦN DTC VIỆT NAM

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 21/05

Ngày 31 tháng 05 năm 2010

STT	Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	3.175.289.625
2	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	582.323.052
3	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	182.881.043
4	Kết chuyển lãi	911	421	1.291.395.250
5	Kết chuyển CP Thuế TNDN	911	821	430.465.084
	Cộng			5.662.354.054

Biểu 2.31: Sổ chi tiết TK 421

CÔNG TY CỔ PHẦN DTC VIỆT NAM

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/05/2010 đến ngày 31/05/2010

Tài khoản 421 - Lợi nhuận chưa phân phối

Ngày	Số CT	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	PS NỢ	PS CÓ
					1.464.759.021
.....
31/05	21/05	Kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối	911	1.291.395.250	
.....
		Tổng phát sinh		1.721.860.334	328.281.170
		Dư nợ cuối kỳ			2.858.338.185

Giám đốc

Kế toán ghi sổ

Ngày tháng năm

Kế toán trưởng

Biểu 2.32: Sổ cái TK 421

CÔNG TY CỔ PHẦN DTC VIỆT NAM

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/05/2010 đến ngày 31/05/2010

Tài khoản 421 - Lợi nhuận chưa phân phối

CHỨNG TỪ GHI SỔ		Trích yếu	TKĐƯ	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Dư đầu kỳ			
		Tổng phát sinh		5.567.854.298	328.281.170
		Dư cuối kỳ			
.....
31/05	KC12/05	Kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối	911	1.291.395.250	
.....

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Biểu 2.33: Sổ chi tiết TK 821

CÔNG TY CỔ PHẦN DTC VIỆT NAM

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/05/2010 đến ngày 31/05/2010

Tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Ngày	Số CT	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	PS NỢ	PS CÓ
		Dư nợ đầu kỳ			
31/05	KC12/1	Xác định chi phí thuế TNDN	3334	430.465.084	
31/05	PK28	Thuế TNDN tháng 5	911		430.465.084
		Tổng phát sinh		430.465.084	430.465.084
		Dư nợ cuối kỳ			

Ngày tháng năm

Giám đốc

Kế toán trưởng

Kế toán ghi sổ

Biểu 2.34: Sổ cái TK 821

CÔNG TY CỔ PHẦN DTC VIỆT NAM

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/05/2010 đến ngày 31/05/2010

Tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

CHỨNG TỪ GHI SỔ		Trích yếu	TKĐƯ	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Dư đầu kỳ			
		Tổng phát sinh		430.465.084	430.465.084
		Dư cuối kỳ			
31/05	KC12/1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	3334	430.465.084	
31/05	PK28	Thuế TNDN tháng 5	911		430.465.084
.....

Ngày tháng năm

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Biểu 2.35: Sổ chi tiết TK 911

CÔNG TY CỔ PHẦN DTC VIỆT NAM

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/05/2010 đến ngày 31/05/2010

Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Ngày	Số CT	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	PS NỢ	PS CÓ
		Dư nợ đầu kỳ			
31/05	20/05	K/c doanh thu hoạt động SXKD 5111	5111		4.199.087.824
31/05	20/05	K/c doanh thu hoạt động SXKD 5112	5112		1.462.835.230
31/05	20/05	Kết chuyển thu nhập khác	711		431.000
31/05	21/05	Kết chuyển giá vốn	632	3.175.289.625	
31/05	21/05	K/c chi phí quản lý kinh doanh	642	182.881.043	
31/05	21/05	Kết chuyển chi phí tài chính	635	582.323.052	
31/05	21/05	Kết chuyển Thuế TNDN	821	430.465.084	
31/05	21/05	K/c lãi kinh doanh trong kỳ	4212	1.291.395.250	
		Tổng phát sinh		5.662.354.054	5.662.354.054
		Dư nợ cuối kỳ			

Ngày tháng năm

Giám đốc

Kế toán trưởng

Kế toán ghi sổ

Biểu 2.36: Sổ cái TK 911

CÔNG TY CỔ PHẦN DTC VIỆT NAM

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Chứng từ		Trích yếu	TKĐƯ	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Dư đầu kì			
		Tổng phát sinh		5.662.354.054	5.662.354.054
		Dư cuối kì			
31/05	20/05	K/c doanh thu hoạt động SXKD 511	511		5.661.923054
31/05	20/05	Kết chuyển thu nhập khác	711		431.000
31/05	21/05	Kết chuyển giá vốn	632	3.175.289.625	
31/05	21/05	K/c chi phí quản lý kinh doanh	642	182.881.043	
31/05	21/05	Kết chuyển chi phí tài chính	635	582.823.052	
31/05	21/05	Kết chuyển Thuế TNDN	821	430.465.084	
31/05	21/05	K/c lãi kinh doanh trong kỳ	4212	1.291.395.250	

Ngày tháng năm

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DTC VIỆT NAM

3.1. Một số ý kiến nhận xét về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần DTC Việt Nam

3.1.1. Một số ưu điểm trong việc tổ chức hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần DTC Việt Nam

Trải qua vài năm hoạt động và phát triển công ty cổ phần DTC Việt Nam đã ngày càng củng cố và phát triển. Những hợp đồng bán hàng với giá trị lớn đáp ứng được yêu cầu của khách hàng trong và ngoài nước phần nào khẳng định được sự trưởng thành, lớn mạnh của công ty. Để có được những thành tựu như ngày hôm nay thì không thể không kể đến những cố gắng, nỗ lực của đội ngũ nhân viên tận tụy, nhiệt tình với công việc chịu khó tìm tòi học hỏi để đổi mới công ty, xây dựng công ty vững mạnh. Đó là đội ngũ công nhân không ngừng nâng cao năng lực, nghiên cứu và sáng tạo nhằm đưa tới cho khách hàng những sản phẩm, đa dạng phong phú về sản phẩm đáp ứng nhu cầu về giá cả, độ bền cũng như chất lượng phục vụ. Đó là những nhân viên quản lý chịu khó tìm tòi áp dụng các chính sách mô hình quản lý mới có hiệu quả, giảm được những chi phí lãng phí, tăng cường sự đoàn kết trong nội bộ công ty, mang lại hiệu quả cao. Và rõ ràng sự thành công đó không thể không có mặt của đội ngũ nhân viên kế toán trong công ty với những nỗ lực trong việc theo kịp những yêu cầu về công tác tổ chức và hạch toán kế toán trong điều kiện nền kinh tế nước ta có nhiều sự chuyển biến. Những ưu điểm của công ty trong công tác tổ chức hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được thể hiện qua các khía cạnh sau:

- *Về bộ máy kế toán*: Trong công ty có sự phân chia công việc và phối hợp giữa các nhân viên phòng tài chính kế toán góp phần làm giảm khối lượng công việc. Hệ thống kế toán của công ty đã đi vào nề nếp, được tổ chức tương đối hoàn

chính phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty. Các nhân viên kế toán đều có tinh thần trách nhiệm cao, nắm vững chính sách chế độ của nhà nước cũng như nhiệm vụ của mình, hoàn thành tốt công việc được giao, làm việc có khoa học, có tinh thần tương trợ giúp đỡ lẫn nhau.

- *Về hình thức kế toán*: Hình thức kế toán áp dụng tại công ty là hình thức Chứng từ ghi sổ. Đây là hình thức đơn giản, gọn nhẹ, dễ theo dõi.

Việc áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ là hoàn toàn thích hợp với quy mô của công ty và trình độ của các nhân viên kế toán trong công ty. Hơn nữa phần mềm kế toán mà công ty đang sử dụng là phần mềm được thiết kế riêng phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh của công ty nên càng tạo điều kiện thuận lợi cho công việc kế toán.

Công ty áp dụng phương pháp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ là rất hợp lý. Vì vậy công việc ghi chép được chính xác, kịp thời, thuận tiện cho việc kiểm tra đối chiếu sau này thông qua đó giúp kế toán trưởng nắm bắt được chi tiết, nhanh chóng kết quả hoạt động kinh doanh.

- *Về công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh*:

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán của công ty. Bởi lẽ nó liên quan đến việc xác định kết quả, các khoản thu nhập thực tế và phần phải nộp vào ngân sách nhà nước, đồng thời nó phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của công ty trong lưu thông. Trên cơ sở đặc điểm của thành phẩm, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh bên cạnh việc cung cấp các thông tin cho các cơ quan chức năng như cơ quan thuế, ngân hàng,... Cung cấp đầy đủ thông tin cho lãnh đạo doanh nghiệp, giúp ban giám đốc doanh nghiệp có những quyết định về hoạt động sản xuất kinh doanh tiêu thụ sản phẩm và chiến lược nắm bắt thị trường kịp thời đúng đắn và hiệu quả.

3.1.2. Hạn chế

* Về hệ thống tài khoản kế toán

- Công ty không mở tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” mặc dù Công ty có phát sinh khoản doanh thu tài chính như lãi tiền gửi Ngân hàng. Điều này dẫn đến việc hạch toán khoản doanh thu này chưa đúng tài khoản.

* Về hệ thống sổ kế toán: Sổ chi tiết của Công ty thực chất là Sổ cái ghi theo nghiệp vụ kinh tế phát sinh và kế toán không mở các loại Sổ chi tiết theo từng đối tượng. Điều này khiến cho việc kiểm tra, đối chiếu rất khó khăn. Cụ thể: + Trong phần kế toán hàng tồn kho: Công ty không mở Sổ chi tiết cho từng loại thành phẩm, hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Như vậy, sẽ khó có thể đối chiếu chi tiết xem từng loại hàng tồn kho đã phát sinh bao nhiêu, còn tồn kho bao nhiêu...

+ Trong phần kế toán doanh thu: Công ty không sử dụng Sổ chi tiết bán hàng cho từng loại hàng hóa, thành phẩm được bán. Đồng thời, Công ty không có Bảng tổng hợp doanh thu bán hàng. Khi không sử dụng loại sổ này, kế toán không thể đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời về số lượng của từng loại hàng hóa, thành phẩm được bán ra là bao nhiêu? Đơn giá bán ra là bao nhiêu?...

+ Trong phần kế toán giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh: Công ty không mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh nhằm theo dõi các chi phí theo từng nội dung khoản mục... Như vậy sẽ rất khó khăn trong quá trình quản lý, theo dõi.

* Về phương pháp hạch toán kế toán:

Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh, Công ty hạch toán chưa đúng chế độ.

- Trong kỳ, khi có nghiệp vụ phát sinh doanh thu tài chính như lãi tiền gửi Ngân hàng, Công ty đưa khoản doanh thu này vào tài khoản 421 “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” mà không đưa vào tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” để cuối kỳ kết chuyển sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” và tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Công ty chỉ tính phần chênh lệch tỷ giá hối đoái vào tài khoản 635 “Chi phí tài chính” mà không hạch toán chi phí lãi vay... Khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh về lãi tiền vay, Công ty hạch toán vào tài khoản 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”. Như vậy là chưa đúng với chế độ kế toán ban hành.

* Về quy trình luân chuyển chứng từ

Mọi chứng từ đều được luân chuyển giữa phòng kinh doanh, phòng kế toán và thủ kho về cơ bản đều đúng trình tự. Tuy nhiên, giữa các phòng ban không có biên bản giao nhận chứng từ nên khi xảy ra mất chứng từ không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý.

3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP DTC Việt Nam

3.2.1. Hoàn thiện hệ thống tài khoản kế toán tại Công ty CP DTC Việt Nam

Để đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin nhanh chóng, kịp thời và số liệu chính xác, tránh sự trùng lặp, nhầm lẫn, kế toán nên sử dụng hệ thống tài khoản theo dõi chi tiết cho từng đối tượng cụ thể. Do đó, Công ty nên mở thêm các tài khoản sau để công tác hạch toán kế toán được hoàn thiện hơn, đạt hiệu quả cao hơn.

Hàng hóa là các loại vật tư, sản phẩm do doanh nghiệp mua về với mục đích để bán. Tuy nhiên, trường hợp hàng hóa mua về vừa dùng để bán vừa dùng để sản xuất kinh doanh, mà không phân biệt rõ ràng giữa hai mục đích này thì vẫn phải phản ánh vào tài khoản 156 “Hàng hóa”.

* *Thứ nhất:* Công ty nên mở tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”. Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi tỷ giá hối đoái, lãi tiền gửi và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

* *Thứ hai:* Hiện nay công ty chưa sử dụng hệ thống sổ đăng ký chứng từ ghi sổ vì vậy sẽ làm giảm khả năng về nhu cầu quản lý, theo dõi và lưu trữ chứng từ gốc vì vậy công ty nên sử dụng mẫu Sổ đăng ký chứng từ theo biểu 3.1 nhằm đạt được những yêu cầu đã nêu ở trên .

Biểu 3.1: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

Đơn vị:

Mẫu số S02b-TT

Địa chỉ:

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm ...

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng		Số hiệu	Ngày, tháng	
A	B	1	A	B	1
-Cộng tháng			-Cộng tháng		
-Cộng lũy kế từ đầu tháng			-Cộng lũy kế từ đầu tháng		

-Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

-Ngày mở sổ: ...

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

* Ví dụ: (Lấy tiếp nghiệp vụ kinh tế phát sinh của ví dụ 1).

Sau khi ghi vào Chứng từ ghi sổ, phần mềm kế toán sẽ tự động nhập dữ liệu vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu 3.2). Cụ thể như sau:

Biểu 3.2: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

Đơn vị: **CÔNG TY CP DTC Việt Nam**

Mẫu số S02b-TT

Địa chỉ: Thủy Nguyên – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 05 Năm 2010

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng		Số hiệu	Ngày, tháng	
A	B	1	A	B	1
.....
01/05	31/05	4.465.889.542			
02/05	31/05	5.039.326.921			
.....
-Cộng tháng			-Cộng tháng		
-Cộng lũy kế từ đầu tháng			-Cộng lũy kế từ đầu tháng		

-Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

-Ngày mở sổ: ...

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

* *Thứ ba:* Trong phần kế toán công nợ, Công ty có sổ Số dư cuối công nợ nhưng chỉ thể hiện số dư cuối kỳ mà không phản ánh hết số phát sinh nợ, có của từng khách hàng hoặc người bán. Vì vậy, Công ty nên mở Bảng tổng hợp thanh toán với người mua, người bán (Biểu 3.3) để dễ dàng theo dõi tình hình công nợ của khách hàng đối với Công ty cũng như công nợ của Công ty với nhà cung cấp.

Biểu 3.3: Bảng tổng hợp thanh toán với người mua (người bán)

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

Tài khoản: ...

Số hiệu: ...

Tháng: ... năm: ...

STT	Tên khách hàng (Đối tượng)	SDĐK		SPS trong kỳ		SDCK	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
	Cộng						

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

* Ví dụ: (Lấy tiếp nghiệp vụ kinh tế phát sinh ở ví dụ 1)

Căn cứ vào hóa đơn GTGT, kế toán nhập số liệu vào máy tính. Phần mềm kế toán sẽ tự động vào Sổ chi tiết thanh toán với người mua. Cuối kỳ, tổng hợp số liệu đưa vào Bảng tổng hợp thanh toán với người mua (Biểu 3.8). Cụ thể như sau

Biểu 3.4: Bảng tổng hợp thanh toán với người mua

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

Tài khoản: Phải thu của khách hàng

Số hiệu: 131

Tháng: 05 năm 2010

STT	Tên khách hàng (Đối tượng)	SDĐK		SPS trong kỳ		SDCK	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
...	
15	Công ty TNHH Phú Anh			81.785.145	4,000,000		12.000.000
26	Cty Cổ Phần Long Sơn			1.243.000.000	1.014.000.000	229.000.000	
...
...						
	Cộng			435.050.000		435.050.000	1.450.000

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

* *Thứ tư:* Trong phần kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, Công ty nên mở Sổ chi tiết bán hàng (Biểu 3.9) và Bảng tổng hợp bán hàng (Biểu 3.10). Đây là loại sổ giúp cho Công ty có thể nắm bắt chi tiết, cụ thể tình hình bán hàng, doanh thu bán hàng của từng loại hàng hóa, thành phẩm được bán ra.

Biểu 3.5: Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị:
Địa chỉ:

Mẫu số S02b-TT

(Ban hành theo QĐ số 48 /2006/QĐ-BTC
 Ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư):

Năm: ...

Quyển số:

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521, 531, 532)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
01/05	056282		Bán thép cho Cty Gia Khánh	111	03	15.500.000	46.500.000		
.....
		...	Cộng số phát sinh -Doanh thu thuần -Giá vốn hàng bán -Lãi gộp						

-Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

-Ngày mở sổ: ...

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Biểu 3.7: Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị: CÔNG TY CP DTC Việt Nam
Địa chỉ: Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số S35-DN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Đồ điện tàu thủy

Năm: 2010

Quyển số:

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521, 531, 532)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
...
31/05	0056325	31/05	Đồ điện tàu thủy	131	1,0	761.698.000	761.698.000
...
			Cộng số phát sinh -Doanh thu thuần -Giá vốn hàng bán -Lãi gộp						

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 3.6: Bảng tổng hợp bán hàng

BẢNG TỔNG HỢP BÁN HÀNG

Tài khoản:

Số hiệu:

Tháng ... năm ...

STT	Tên hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ	Đơn vị tính	Doanh thu	
			Số lượng	Thành tiền
A	B	C	1	2
1				
2				
3				
4				
....				
	Cộng			

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

* Ví dụ: (Lấy tiếp nghiệp vụ kinh tế phát sinh của ví dụ 1)

Căn cứ vào hóa đơn GTGT và Phiếu xuất kho, kế toán nhập dữ liệu vào máy tính. Phần mềm kế toán sẽ tự động vào Sổ chi tiết bán hàng (Biểu 3.11). Cuối kỳ, tổng hợp số liệu vào Bảng tổng hợp bán hàng (Biểu 3.12). Cụ thể như sau:

Biểu 3.8: Bảng tổng hợp bán hàng

BẢNG TỔNG HỢP BÁN HÀNG

Tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Tháng 05 năm 2010

STT	Tên hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ	Đơn vị tính	Doanh thu	
			Số lượng	Thành tiền
A	B	C	1	2
...
11	Đồ điện tàu thủy	Thùng	10	761.698.000
12	Thép	Tấn	03	46.500.000
...
	Cộng			5.661.932.054

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

* Thứ năm: Trong phần kế toán giá vốn hàng bán và chi phí quản lý kinh doanh, Công ty nên mở Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (Biểu 3.13). Như vậy sẽ giúp cho kế toán và Ban lãnh đạo Công ty dễ dàng theo dõi chi phí nhân viên bán hàng, chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ cho bán hàng, chi phí hậu mãi, chi phí nhân viên quản lý, chi phí mua ngoài phục vụ cho văn phòng, giá vốn của từng loại hàng hóa, thành phẩm bán ra là bao nhiêu, số lượng, đơn giá,...

* Ví dụ: (Lấy tiếp nghiệp vụ kinh tế phát sinh của ví dụ 4)

Căn cứ vào hóa đơn GTGT và phiếu chi, kế toán nhập dữ liệu vào máy tính. Phần mềm kế toán sẽ tự động vào Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh (Biểu 3.14). Cụ thể như sau:

Biểu 3.9: Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh

Đơn vị:

Địa chỉ:

Mẫu số S36-DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ
trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

(Dùng cho các TK 631, 641, 642, 142, 242, 335, 632)

Tài khoản:

Tên kho (tên cửa hàng)

Tên sản phẩm, dịch vụ:

Số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi nợ tài khoản						
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra					
					
B	C	D	E	1	2	3	4	5	6		
			-Số dư đầu kỳ								
			-Số phát sinh trong kỳ								
			-Cộng số phát sinh trong kỳ								
			-Ghi có TK...								
			-Số dư cuối kỳ								

-Số này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

-Ngày mở sổ: ...

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 3.10: Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh

Đơn vị: CÔNG TY CP DTC VIỆT NAM

Địa chỉ: Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số S36-DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

Tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu TK: 6422

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền	Chia ra		
	Số hiệu	Ngày, tháng				Nhân công	Khấu hao	Chi phí khác
A	B	C	D	E	1	2	5	6
... 02/05 PC698 02/05 ...	-Số dư đầu kỳ Mua giấy in cho VP 111 2.181.818			2.181.818
			-Cộng số phát sinh -Ghi có TK -Số dư cuối kỳ					

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

3.2.3. Hoàn thiện phương pháp hạch toán kế toán tại Công ty CP DTC Việt Nam

Công ty CP DTC Việt Nam cần thay đổi phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế sau:

* Thứ nhất: Trong kỳ, khi có nghiệp vụ phát sinh lãi tiền gửi, Công ty không được đưa ngay vào tài khoản 421 “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” mà phải đưa vào tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” và cuối kỳ kết chuyển sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

* Ví dụ: Ngày 08/12, phát sinh nghiệp vụ lãi tiền gửi ngân hàng, số tiền 52.000.000 đồng. Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 112: 52.000.000

Có K 515: 52.000.000

* Thứ hai: Đối với lãi tiền vay, Công ty không nên hạch toán vào tài khoản 6423 “Chi phí lãi vay” mà nên hạch toán vào tài khoản 635 “Chi phí tài chính”. Làm như vậy sẽ giúp cho kế toán cũng như Ban lãnh đạo Công ty có thể theo dõi dễ dàng hơn, đảm bảo sự chính xác theo chế độ kế toán ban hành.

* Ví dụ: (Lấy nghiệp vụ kinh tế phát sinh của ví dụ 5)

Khi phát sinh nghiệp vụ lãi tiền vay, số tiền 6.270.136 đồng, kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 635: 6.270.136

Có TK 112: 6.270.136

3.2.4. Hoàn thiện quy trình luân chuyển chứng từ tại Công ty CP DTC Việt Nam.

Thao tác trong quá trình luân chuyển chứng từ tại Công ty từ các cửa hàng về đến phòng kế toán chậm chễ gây nhiều khó khăn làm dồn ứ công việc vào cuối tháng hoặc đầu tháng sau gây ảnh hưởng không tốt cho công tác kế toán và khiến nhân viên phải vất vả trong công việc. Vì vậy công ty cần có nhiều biện pháp quy định về ngày luân chuyển chứng từ trong tháng để việc tập hợp chứng từ được thực hiện một cách đầy đủ, kịp thời. Chẳng hạn có thể quy định đến ngày nhất định các phòng ban, cửa hàng phải tập hợp chứng từ và gửi toàn bộ chứng từ phát sinh trong tháng về phòng kế toán để kế toán xử lý các chứng từ đó vào máy tính một cách cập nhật nhất.

KẾT LUẬN

Hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp chiếm vị trí hết sức quan trọng trong quá trình sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ hàng hoá của doanh nghiệp. Thông qua hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh người quản lý doanh nghiệp, các đối tượng muốn tìm hiểu về doanh nghiệp biết được doanh nghiệp đó hoạt động có hiệu quả hay không, từ đó có những quyết định về mặt chiến lược đối với doanh nghiệp, quyết định đầu tư đối với những nhà đầu tư.

Khoá luận “Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần DTC Việt Nam” đã nêu các vấn đề cơ bản sau:

1. Về lý luận: Khoá luận đã trình bày những lý luận chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

2. Về thực tiễn: Khoá luận đã phản ánh đầy đủ thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần DTC Việt Nam. Đồng thời sử dụng số liệu tháng 5 năm 2010 để chứng minh cho các lập luận nêu trên.

3. Về kiến nghị: Khoá luận đã nêu lên một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở doanh nghiệp.

Với thời gian thực tập không nhiều, kiến thức bản thân có hạn nên bài khoá luận của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, em rất mong được sự chỉ bảo, đóng góp ý kiến của thầy cô để khoá luận của em được hoàn thiện hơn. Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn cô giáo hướng dẫn Th.S Nguyễn Thị Thuý Hồng, các anh chị phòng kế toán Công ty Cổ phần DTC Việt Nam đã giúp em hoàn thành bài khoá luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 25 tháng 06 năm 2011

Sinh viên

Nguyễn Bảo Ngọc

MỤC LỤC

Lời nói đầu	1
CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1.Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	3
1.1.1.Các khái niệm cơ bản và nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng	3
1.1.2.Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	8
1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	9
1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	9
1.2.1.1 Chứng từ sử dụng	9
1.2.1.2 Tài khoản sử dụng	9
1.2.2.Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	14
1.2.2.1.Chứng từ sử dụng	14
1.2.2.2.Tài khoản sử dụng.....	14
1.2.2.3.Phương pháp hạch toán	16
1.2.3.Kế toán giá vốn hàng bán.....	17
1.2.3.1.Chứng từ sử dụng	17
1.2.3.2.Tài khoản sử dụng.....	17
1.2.3.3.Phương pháp hạch toán	18
1.2.4.Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	20
1.2.4.1.Chứng từ sử dụng	20
1.2.4.2.Tài khoản sử dụng.....	20
1.2.4.3.Phương pháp hạch toán	21
1.2.5.Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.....	23
1.2.5.1.Chứng từ sử dụng	23
1.2.5.2.Tài khoản sử dụng.....	23
1.2.5.3.Phương pháp hạch toán	24
1.2.6.Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	26

1.2.6.1.Chứng từ sử dụng	26
1.2.6.2.Tài khoản sử dụng	26
1.2.6.3.Phương pháp hạch toán	27
1.2.7.Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	29
1.2.7.1.Chứng từ sử dụng	29
1.2.7.2.Tài khoản sử dụng	29
1.2.7.3.Phương pháp hạch toán	29
1.3. Vận dụng hệ thống sổ sách kế toán trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	31
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP DTC VIỆT NAM	33
2.1. Khái quát chung về công ty:.....	33
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty CP DTC Việt Nam	33
2.1.2. Đặc điểm kinh doanh của công ty công ty CP DTC Việt Nam Công ty kinh doanh các ngành nghề:	34
2.1.2.1 Một số kết quả đạt được của công ty CP DTC Việt Nam đạt được trong những năm gần đây.	34
2.1.3. Tổ chức bộ máy kinh doanh của công ty CP DTC Việt Nam.....	35
2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty CP DTC Việt Nam	37
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty	37
2.1.4.2. Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán tại Công ty	38
2.1.4.3. Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán tại Công ty	38
2.1.4.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán tại Công ty.....	38
2.1.4.5. Tổ chức hệ thống báo cáo tại Công ty	40
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP DTC Việt Nam.....	40
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty CP DTC.....	40
Việt Nam	40
2.2.1.1. Nội dung doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty.....	40
2.2.1.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng	40
2.2.1.3. Quy trình hạch toán	41
2.2.2. Kế toán chi phí tại công ty CP DTC Việt Nam.....	53
2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán.....	53

2.2.2.2.Chứng từ và tài khoản sử dụng	53
2.2.2.3.Quy trình hạch toán.....	53
2.2.3.Kế toán chi phí bán hàng & quản lý kinh doanh của Công ty CP DTC Việt Nam	61
2.2.3.1.Nội dung chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty.....	61
2.2.3.2.Chứng từ và tài khoản sử dụng	61
2.2.3.3.Quy trình hạch toán.....	61
2.2.4.Kế toán chi phí tài chính của Công ty CP DTC Việt Nam	66
2.2.4.1.Nội dung chi phí tài chính của Công ty	66
2.2.4.2.Quy trình hạch toán.....	67
2.2.5.Kế toán thu nhập khác và chi phí khác của Công ty CP DTC Việt Nam	71
2.2.5.1.Nội dung thu nhập khác và chi phí khác của Công ty	71
2.2.5.2.Chứng từ và tài khoản sử dụng	71
2.2.5.3.Quy trình hạch toán.....	72
2.2.6.Kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty CP DTC Việt Nam.....	75
2.2.6.1.Nội dung xác định kết quả kinh doanh của Công ty	75
2.2.6.2.Chứng từ và tài khoản sử dụng	76
2.2.6.3.Quy trình hạch toán.....	77
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DTC VIỆT NAM.....	85
3.1. Một số ý kiến nhận xét về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần DTC Việt Nam.....	85
3.1.1. Một số ưu điểm trong việc tổ chức hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần DTC Việt Nam.....	85
3.1.2.Hạn chế.....	87
3.2.Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP DTC Việt Nam	88
3.2.1.Hoàn thiện hệ thống tài khoản kế toán tại Công ty CP DTC Việt Nam	88
3.2.3.Hoàn thiện phương pháp hạch toán kế toán tại Công ty CP DTC Việt Nam	99
3.2.4.Hoàn thiện quy trình luân chuyển chứng từ tại Công ty CP DTC Việt Nam.	99
KẾT LUẬN	100